

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH  
107 Đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An  
MST: 0310710930

---

# BẢN CÁO BẠCH

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH



## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/08/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết số 6.M/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 08 tháng 11 năm 2021)

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:**

### CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

Trụ sở chính : 107 đường 2A, Khu 5, ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ, H. Đức Hoà, Long An

Điện thoại : (028) 36 207 540

Website : <https://vithacoplastic.com>

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Trụ sở chính : Tầng 5, tòa nhà Artex, số 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666

Website : <https://agriseco.com.vn>

### Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Ông Phan Văn Quân Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại : (028) 36 207 540



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**  
(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/08/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp)

Trụ sở chính : 107 đường 2A, Khu 5, ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ, H. Đức Hoà, Long An

Điện thoại : (028) 36 207 540

Website : <https://vithacoplastic.com>

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- ❖ Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành
- ❖ Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mã cổ phiếu : VTZ
- ❖ Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng niêm yết : 20.000.000 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị niêm yết : 200.000.000.000 đồng  
(theo mệnh giá)

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)**

Địa chỉ : 26 Nguyễn Huy Tụ, P Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : 028 3910 4881 Fax: 028 3820 6881

Website : <https://aascn.com.vn>

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK (AGRISECO)**

Trụ sở chính : Tầng 5, tòa nhà Artex, số 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666

Website : <https://agriseco.com.vn>



## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>1</b>
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ .....	1
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP .....	3
3. RỦI RO ĐẶC THÙ .....	4
4. RỦI RO KHÁC .....	4
<b>PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>6</b>
1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....	6
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	6
<b>PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>7</b>
<b>PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....</b>	<b>10</b>
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	10
KÈ TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY, CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN 08 ĐỢT PHÁT HÀNH ĐỀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 4 TỶ ĐỒNG LÊN 200 TỶ ĐỒNG, CỤ THỂ NHƯ SAU: .....	13
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY .....	16
3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY.....	24
4. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CÓ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CÓ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	25
5. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	25
6. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	40
7. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH.....	44
8. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG .....	47
9. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC .....	49
10. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH .....	50
11. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	55
12. TÀI SẢN .....	68
13. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG CÁC NĂM TIẾP THEO 70	
14. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	74
15. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....	75



16. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....	75
<b>PHẦN V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....</b>	<b>75</b>
1. LOẠI CỔ PHIẾU .....	75
2. MỆNH GIÁ .....	75
3. TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT .....	75
4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....	75
5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ .....	76
6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI .....	77
7. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN.....	79
<b>PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT NIÊM YẾT.....</b>	<b>80</b>
<b>PHẦN VII: PHỤ LỤC.....</b>	<b>80</b>
1. BẢN SAO HỢP LỆ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP. ....	80
2. ĐIỀU LỆ CÔNG TY.....	80
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019 VÀ 2020, BÁO CÁO TÀI CHÍNH SOÁT XÉT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021. ....	80
4. GIỚI THIỆU NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NIÊM YẾT;.....	80

093  
TY  
AN XI  
MAI N  
IAN  
LO  
11/4/2021



## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty .....	10
Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty .....	13
Bảng 3: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị .....	18
Bảng 4: Danh sách Ban Kiểm soát.....	18
Bảng 5: Thành viên Ban Tổng Giám đốc .....	19
Bảng 6: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty .....	24
Bảng 7: Cơ cấu Cổ đông của Công ty .....	24
Bảng 8: Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm .....	28
Bảng 9: Tỷ lệ lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm .....	29
Bảng 10: Nguyên liệu chính dùng trong sản xuất.....	30
Bảng 11: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu .....	31
Bảng 12: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm.....	31
Bảng 13: Các hợp đồng bán hàng Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	37
Bảng 14: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm .....	40
Bảng 15: Tình hình lao động của Công ty.....	47
Bảng 16: Mức lương bình quân.....	49
Bảng 17: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình và TSCĐ thuê tài chính.....	50
Bảng 18: Số dư các khoản thuế phải nộp của Công ty.....	50
Bảng 19: Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm.....	51
Bảng 20: Chi tiết các khoản vay tại thời điểm 30/09/2021.....	51
Bảng 21: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty .....	53
Bảng 22: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty .....	54
Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2019 - 2020 .....	55
Bảng 24: Thông tin về các tài sản của Công ty tại ngày 30/09/2021 .....	68
Bảng 25: Kế hoạch hoạt động kinh doanh trong các năm tiếp theo .....	71
Bảng 26: Năng lực sản xuất nhà máy .....	72
Bảng 27: Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2021 ....	74
Bảng 28: Danh sách cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.....	76



## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%).....	1
Biểu đồ 2: Lạm phát ở Việt Nam qua các năm(%) .....	2
Biểu đồ 3: Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2020 so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành.....	30
Biểu đồ 4: Tình hình tài chính của một số doanh nghiệp sản xuất nhựa năm 2020 ..	44

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty .....	17
Sơ đồ 2: Quy trình sản xuất của Công ty .....	34



## PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Là một công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát hay thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác trong ngành.

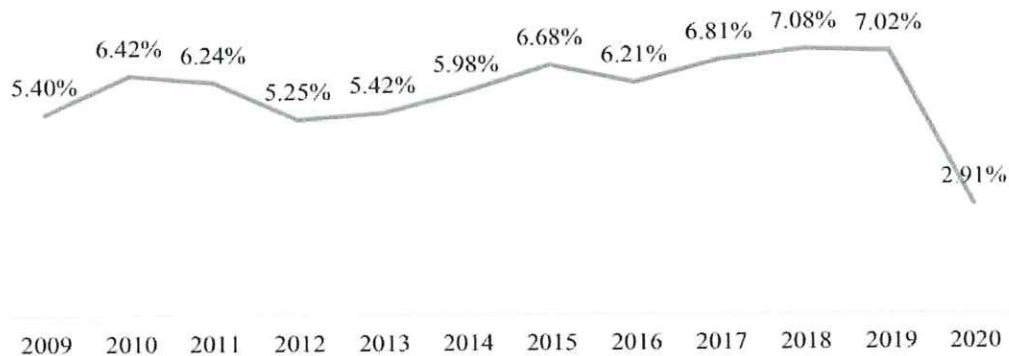
### 1. Rủi ro về kinh tế

#### 1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP đạt 2,91%.

Trong mức tăng GDP chung toàn nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5% vào tốc độ tăng GDP của cả nước.

**Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)**



*Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê*

Năm 2021, đại dịch COVID-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, gây ra nhiều khó khăn thiệt hại đối với nền kinh tế Việt Nam. GDP 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,05% và 6,77% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. Với tình hình hiện tại, Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính sách Việt Nam (VEPR) đã hạ dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam so với các báo cáo trước đây. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam dự báo đạt 4,5-5,1%, thấp hơn 1,2-1,5 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Theo VEPR, triển vọng kinh tế 6 tháng cuối năm phụ thuộc vào tốc độ và quy mô tiêm chủng vaccine, hiệu quả của các biện pháp phòng chống bệnh dịch, các gói hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng trong nước.

#### 1.2 Lạm phát

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, bình quân năm 2020, CPI tăng 3,23% so với năm 2019;

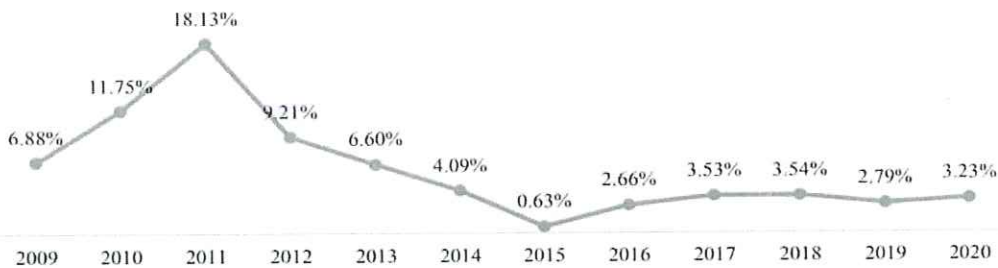




trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 2,91%, khu vực nông thôn tăng 3,53% so với năm 2019. Lạm phát cơ bản năm 2020 tăng 2,31% so với năm 2019. Năm 2020 được coi là thành công trong việc kiểm soát lạm phát.

Biến động giá chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, giá xăng dầu và giá dịch vụ giáo dục tăng. Lạm phát cơ bản so cùng kỳ giảm dần từ mức 3,25% trong tháng 1/2020 về mức 0,99% trong tháng 12/2020. Điều này phản ánh kết quả của điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2020.

**Biểu đồ 2: Lạm phát ở Việt Nam qua các năm(%)**



*Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê*

Bình quân 6 tháng đầu năm 2021, CPI tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. 6 tháng cuối năm 2021 có nhiều yếu tố tăng cao như giá nguyên liệu, vật liệu đầu vào của sản xuất, đặc biệt là giá xăng dầu, xi măng, sắt thép tác động trực tiếp vào chỉ số CPI của cả năm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng kéo dài của dịch Covid-19 khiến việc tiêu dùng, đầu tư, sản xuất đều sụt giảm, cộng với chính sách kiểm soát lạm phát của Chính phủ, các chuyên gia kinh tế nhận định nhiều khả năng CPI của cả năm trong khoảng từ 3,3%-3,7%, vẫn nằm trong chỉ tiêu kế hoạch kiểm soát lạm phát của Chính phủ là dưới 4%.

Trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Nhựa Việt Thành thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, nhân công...

### 1.3 Lãi suất

Năm 2020, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng, cộng hưởng với đại dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu. Năm 2020, NHNN đã điều chỉnh giảm 1,5-2,0%/năm lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp, người dân.

Mục tiêu của ngành Ngân hàng trong năm 2021 là điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiềm chế lạm phát bình quân; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. So với thời điểm cuối năm 2020, lãi



suất trong 6 tháng đầu năm 2021 tương đối ổn định sau khi giảm mạnh trong năm 2020. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Ngân hàng nhà nước cho biết, trong 6 tháng cuối năm 2021, điều hành tín dụng phù hợp theo hướng mở rộng tín dụng, tập trung vốn cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất kinh doanh; định hướng cơ cấu tín dụng phù hợp với chuyển dịch nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững.

Mức lãi suất phù hợp với khả năng chi trả của doanh nghiệp sẽ cải thiện tính thanh khoản cũng như tăng khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp. Nhựa Việt Thành có hệ số tín nhiệm tại các ngân hàng uy tín cao. Do đó, Nhựa Việt Thành luôn được các tổ chức tín dụng quan tâm và có những chính sách hỗ trợ, hợp tác, giúp cho các hoạt động của Nhựa Việt Thành được diễn ra thông suốt và hiệu quả.

#### 1.4 Tỷ giá

Năm 2020, tỷ giá các đồng tiền trên thế giới biến động mạnh do chịu sự tác động nhiều chiều, trong đó tác động lớn nhất là từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, tỷ giá USD/VND tại Việt Nam khá ổn định. Tỷ giá trung tâm tăng khoảng 0,3% so với cuối năm 2019. Hiện nay, thanh khoản ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại dồi dào, dự trữ ngoại tệ dự kiến đạt mức 100 tỷ USD. Theo khuyến nghị của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Việt Nam cần tiếp tục củng cố ngoại hối trong bối cảnh thị trường quốc tế rất nhiều rủi ro.

Tính trong 6 tháng đầu năm 2021, tỷ giá USD/VND tiếp tục giữ mức ổn định khi tỷ giá trung tâm chỉ tăng 0,2% so với đầu năm. Theo SSI Research, tỷ giá USD/VND có thể dao động theo diễn biến của đồng USD trên thị trường quốc tế trong ngắn hạn, tuy nhiên sẽ vẫn ổn định về dài hạn.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nhựa như Nhựa Việt Thành, các nguyên vật liệu đều được nhập khẩu từ nước ngoài, nên sự biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá nguyên liệu đầu vào và giá thành sản phẩm, tuy nhiên đây là rủi ro khách quan, không nằm trong tầm kiểm soát của Công ty. Mặc dù vậy, để hạn chế ảnh hưởng của nguyên nhân này, Công ty luôn chú trọng theo sát chính sách tiền tệ và tài khóa của Nhà nước để có kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân... Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn tiếp cận sớm và cập nhật các chính sách, văn bản mới nhất nhằm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp luật, hạn chế rủi ro về pháp lý có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh.

10:  
GT  
SẢN  
MẠI  
HÀ  
T.V.



### 3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1 Rủi ro về công nghệ

Nhựa đã trở thành nguyên liệu sản xuất thay thế các sản phẩm truyền thống như gỗ, kim loại... trong nhiều ngành sản xuất. Tuy nhiên, trong số các máy ép đúc tạo các bộ phận (phụ tùng) nhựa cho các thiết bị điện tử, thiết bị điện, xe máy, ô tô... mà nhiều doanh nghiệp nhựa đang sở hữu, số liệu khảo sát của chuyên gia cho thấy, khoảng 75% vẫn là thiết bị máy móc cũ. Trình độ công nghệ hạn chế khiến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhựa cũng như sản phẩm nhựa Việt Nam còn rất thấp. Vì vậy, để tránh những tác động tiêu cực của rủi ro về công nghệ, Công ty luôn chủ động các kế hoạch đổi mới công nghệ máy móc, xây dựng một nền tảng tốt về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các kỹ thuật ứng dụng cùng với đội ngũ nhân lực và các quy trình hỗ trợ. Trong những năm gần đây, việc đổi mới nâng cao năng lực sản xuất của nhà máy luôn là mục tiêu và kế hoạch được Ban lãnh đạo phân công cho bộ phận sản xuất và bộ phận kinh doanh kết hợp nghiên cứu và đưa ra đề xuất để Ban lãnh đạo xem xét, phê duyệt.

#### 3.2 Rủi ro cạnh tranh

Nhận thấy tiềm năng thị trường nhựa Việt Nam còn lớn, cùng với những ưu đãi từ các FTA mà Việt Nam đã ký kết, nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã đầu tư vào lĩnh vực nhựa ở Việt Nam để tận dụng lợi thế. Do trình độ phát triển còn non kém, ngành nhựa Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị thôn tính bởi làn sóng mua bán - sáp nhập (M&A) đang diễn ra rất mạnh. Cùng với đó, hiện nay, các doanh nghiệp nhựa nội địa cũng đang cạnh tranh khá gay gắt. Nhằm tối ưu lợi thế, Công ty luôn chú trọng đổi mới công nghệ sản xuất, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, thẩm mỹ và tinh xảo để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hàng chất lượng cao của khách hàng trong nước và hướng tới mục tiêu xuất khẩu.

#### 3.3 Rủi ro nguyên vật liệu

Chi phí nguyên liệu sản xuất nhựa hiện chiếm tỷ trọng từ 75-80% trong cơ cấu chi phí, trong đó nguyên vật liệu nhập khẩu chiếm khoảng 60% tổng chi phí nguyên vật liệu. Vì vậy, biến động về chi phí nguyên vật liệu do ảnh hưởng của tỷ giá có tác động rất lớn tới lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, giá nhựa nguyên liệu nhập khẩu thường biến động tương ứng với thay đổi giá dầu thế giới. Những năm gần đây, giá dầu tăng/giảm rất bất thường, khó dự đoán, khiến nhiều doanh nghiệp nhựa đã phải gánh chịu rủi ro chi phí nguyên liệu đầu vào tăng, thậm chí bị các nhà cung ứng nguyên liệu ép giá, dẫn đến kinh doanh thua lỗ. Để hạn chế bớt rủi ro, Công ty luôn theo dõi tình hình biến động giá nguyên vật liệu, giá dầu trên thị trường, dự báo biến động để có kế hoạch dự trữ hàng tồn kho.

### 4. Rủi ro khác

#### 4.1 Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị công ty xuất phát từ việc quản trị công ty yếu kém, ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và ổn định của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông



của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về Doanh thu, Lợi nhuận, Cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, ... khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục rủi ro về quản trị như trên, Nhựa Việt Thành luôn hoàn thiện các quy chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông, làm cầu nối giữa cổ đông và Công ty.

#### 4.2 Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên đánh giá rủi ro, nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy... đồng thời tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của Công ty.





PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI  
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phan Văn Quân	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Yến Nga	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Trọng Huy	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Đại diện được ủy quyền:

Ông **Đình Ngọc Phương** Chức vụ: Tổng Giám đốc

*(Theo Quyết định số 88A/QĐ-CT.HĐQT ngày 01/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị-  
Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 03/2021/AGRISECO-VIETTHANH ngày 10 tháng 03 năm 2021 với Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành cung cấp.



PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Bản cáo bạch** : Bản công bố thông tin của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Cổ đông** : Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.
- Điều lệ** : Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành thông qua.
- Vốn điều lệ** : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.
- Cổ phần** : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu** : Chứng chỉ do Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.
- Người có liên quan** : Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
  - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
  - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
  - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
  - Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
  - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
  - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Nhựa Việt Thành/Công ty	: Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành
BKS	: Ban kiểm soát
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
CTCP	: Công ty Cổ phần
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Đvt	: Đơn vị tính
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
KHKD	: Kế hoạch kinh doanh
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
AGR/Agriseco	: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank
BCTC	: Báo cáo Tài chính
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VNĐ	: Đơn vị tiền tệ của Việt Nam
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CMND	: Chứng minh nhân dân
CP	: Cổ phần
BĐS	: Bất động sản
TSCĐ	: Tài sản cố định
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
CNTT	: Công nghệ thông tin
PR	: Quan hệ công chúng
TGD	: Tổng Giám đốc
VĐL	: Vốn điều lệ
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Tp.	: Thành phố
QLDN	: Quản lý doanh nghiệp

10  
CÔ  
HÀ  
HƯƠ  
ỆT  
10)



**Các nhóm từ tài chính trong Bản cáo bạch này được hiểu như sau:**

<b>EPS</b>	: Thu nhập trên mỗi Cổ phần
<b>ROA</b>	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
<b>ROE</b>	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
<b>Thuế TNDN</b>	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
<b>TTS</b>	: Tổng tài sản
<b>DTT</b>	: Doanh thu thuần





## PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

## 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

## 1.1 Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết

Tên đầy đủ	:	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành
Tên giao dịch quốc tế	:	VIET THANH PLASTIC MANUFACTURING AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính	:	Số 107 đường 2A, Khu 5, ấp Bình Tả 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
Địa chỉ văn phòng	:	Số 611/2 Trần Đại Nghĩa, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(028) 36 207 540 Fax: (028) 35 350 460
Website	:	<a href="https://vithacoplastic.com">https://vithacoplastic.com</a>
Logo	:	
Vốn điều lệ đăng ký	:	200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	:	200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
Giấy CNĐKDN	:	Số 0310710930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/08/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp.
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Phan Văn Quân Chức danh: Tổng Giám đốc

## 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Nhựa Việt Thành như sau:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Stt	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1.	2013 (Chính)	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (trừ tái chế phế thải nhựa, luyện cán cao su tại trụ sở)
2.	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn nhựa, nguyên vật liệu nhựa.
3.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4.	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)



Stt	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
5.	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và phi kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, lá, dải, dạng hình (trừ mua bán vàng miếng và phế thải, phế liệu kim loại).
6.	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Hàn bàn, ghế, tủ sắt

### 1.3 Quá trình hình thành, phát triển

- Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành được thành lập vào tháng 03/2011 với mức vốn điều lệ ban đầu là 4 tỷ đồng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh nhựa gia dụng như: tủ nhựa, bàn nhựa, ghế nhựa, sọt nhựa, rổ nhựa, ... được người tiêu dùng tin tưởng và bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao nhiều năm liền. Trong quá trình phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ để đáp ứng quy mô hoạt động sản xuất và mở rộng sang kinh doanh các sản phẩm mới. Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng.
- Với sự kết hợp giữa dây chuyền máy móc đến từ Nhật Bản, Đài Loan, ... với trí tuệ Việt, Nhựa Việt Thành luôn cho ra thị trường những sản phẩm mang giá trị chất lượng cao, mẫu mã đa dạng, màu sắc tươi mới đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Đồng thời, việc sử dụng nguồn nguyên liệu 100% chính phẩm được nhập từ các quốc gia trên thế giới đã tạo nên sản phẩm Nhựa Việt Thành có chất lượng vượt trội.
- Ngay từ những năm đầu hoạt động, hiểu biết được đặc thù sản phẩm là sản phẩm tiêu dùng nên Ban Lãnh đạo Công ty đã đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng hệ thống phân phối. Định hướng phát triển của Ban lãnh đạo là tạo ra hệ thống phân phối riêng của Công ty, tạo sự khác biệt với các đối thủ cạnh tranh khác cùng ngành. Hiện nay, sau gần 11 năm hình thành và phát triển, Công ty có 38 nhà phân phối cấp I, sở hữu hơn 200 đại lý phân phối cấp II trải khắp 32 tỉnh thành phố kéo dài từ Miền Trung đến Miền Tây Nam Bộ, tiến dần đến mục tiêu mỗi tỉnh thành phố của Việt Nam sẽ có ít nhất 01 đến 02 nhà phân phối cấp I của Công ty.
- Song song với hoạt động phát triển nhà phân phối, Công ty phát triển hệ thống logistic đảm bảo hàng hóa được luân chuyển một cách chính xác và kịp thời. Thời gian tới, Công ty tiếp tục phát triển mạnh hệ thống Logistic để đáp ứng nhu cầu vận chuyển ngày càng cao của Công ty và tối ưu hóa lợi ích của Logistic.
- Trong quá trình hình thành và phát triển, Nhựa Việt Thành nhận được sự tín nhiệm và tin tưởng của người tiêu dùng và được bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao trong nhiều năm liền (2016 – 2020).
- Ngoài ra, năm 2019 Công ty còn vinh dự nhận được chứng nhận là 1 trong 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam bình chọn.



Hình ảnh một số giải thưởng, chứng nhận của Công ty



Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2016



Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2017



Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2018



Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2019



Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2020



Giấy Chứng nhận Nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam



**BẢN CÁO BẠCH ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**



**1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ**

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 08 đợt phát hành để tăng vốn điều lệ từ 4 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng, cụ thể như sau:

**Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty**

*Đơn: Triệu đồng*

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức tăng vốn	Các tài liệu pháp lý liên quan
1	27/03/2011		4.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng CP phát hành: 600.000 CP</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP</li> <li>- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu</li> <li>- Tỷ lệ phát hành: 2:3</li> <li>- Số cổ đông tham gia: 3 cổ đông</li> <li>- Mục đích sử dụng vốn: Trả nợ vay cá nhân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản góp vốn thành lập Công ty số 01/2011/BBGV ngày 05/03/2011;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở KH&amp;ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 22/03/2011.</li> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2013/VT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2013;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở KH&amp;ĐT TP.HCM cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 13/06/2013.</li> </ul>
2	24/08/2017	15.000	25.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng CP phát hành: 1.500.000 CP</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP</li> <li>- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu</li> <li>- Tỷ lệ phát hành: 2:3</li> <li>- Số cổ đông tham gia: 3 cổ đông</li> <li>- Mục đích sử dụng vốn: Trả nợ vay ngân hàng và bổ sung vốn lưu động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2017/VT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/07/2017;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở KH&amp;ĐT TP.HCM cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 13/07/2017.</li> </ul>

*Kienyeu*





**BẢN CÁO BẠCH ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức tăng vốn	Các tài liệu pháp lý liên quan
3	16/08/2018	15.000	40.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng CP phát hành: 1.500.000 CP</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/1CP</li> <li>- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu</li> <li>- Tỷ lệ phát hành: 5:3</li> <li>- Số cổ đông tham gia: 3 cổ đông</li> <li>- Mục đích sử dụng vốn: Trả nợ vay ngân hàng và bổ sung vốn lưu động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/VT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/08/2018;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở KH&amp;ĐT TP.HCM cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 16/08/2018.</li> </ul>
4	15/03/2019	10.000	50.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng CP phát hành: 1.000.000 CP</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP</li> <li>- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu</li> <li>- Tỷ lệ phát hành: 4:1</li> <li>- Số cổ đông tham gia: 3 cổ đông</li> <li>- Mục đích sử dụng vốn: Trả nợ vay ngân hàng và bổ sung vốn lưu động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2018/VT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/12/2018;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở KH&amp;ĐT TP.HCM cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 28/12/2018.</li> </ul>
5	19/03/2020	20.000	70.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng CP phát hành: 2.000.000 CP</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP</li> <li>- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu</li> <li>- Tỷ lệ phát hành: 2,5:1</li> <li>- Số cổ đông tham gia: 3 cổ đông</li> <li>- Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm máy móc thiết bị và bổ sung vốn lưu động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/VT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/07/2019;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở KH&amp;ĐT TP.HCM cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 30/12/2019.</li> </ul>
6	30/12/2020	30.000	100.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng CP phát hành: 3.000.000 CP</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP</li> <li>- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/VT/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 15/12/2020;</li> </ul>

*Kienyeu*



**BẢN CÁO BẠCH ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**



Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức tăng vốn	Các tài liệu pháp lý liên quan
				<ul style="list-style-type: none"> <li>hiện hữu</li> <li>- Tỷ lệ phát hành: 7:3</li> <li>- Số cổ đông tham gia: 12 cổ đông</li> <li>- Mục đích sử dụng vốn: Trả nợ vay ngân hàng và bổ sung vốn lưu động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở KH&amp;ĐT tỉnh Long An cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 04/01/2021.</li> </ul>
7	30/03/2021	50.000	150.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng CP phát hành: 5.000.000 CP</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP</li> <li>- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu</li> <li>- Tỷ lệ phát hành: 2:1</li> <li>- Số cổ đông tham gia: 12 cổ đông</li> <li>- Mục đích sử dụng vốn: Trả nợ vay ngân hàng và bổ sung vốn lưu động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2021/VTN/Q-ĐHCĐBT ngày 15/03/2021;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở KH&amp;ĐT tỉnh Long An cấp ngày 09/04/2021.</li> </ul>
8	22/07/2021	50.000	200.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng CP phát hành: 5.000.000 CP</li> <li>- Giá phát hành: 11.083 đồng/CP</li> <li>- Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng</li> <li>- Tỷ lệ phát hành: 3:1</li> <li>- Số cổ đông tham gia: 150 cổ đông</li> <li>- Mục đích sử dụng vốn: Thực hiện Giai đoạn 1 của “Dự án phát triển sản phẩm mới Pallet và Thùng rác công cộng”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHCĐ số 01/VTN/Q-ĐHCĐBT/2021 ngày 15/04/2021;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 2576/UBCK-QLCB do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/06/2021;</li> <li>- Công văn xác nhận kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 4272/UBCK-QLCB ngày 03/08/2021 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước.</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở KH&amp;ĐT tỉnh Long An cấp ngày 24/08/2021.</li> </ul>

Nguồn: *Nhựa Việt Thành*

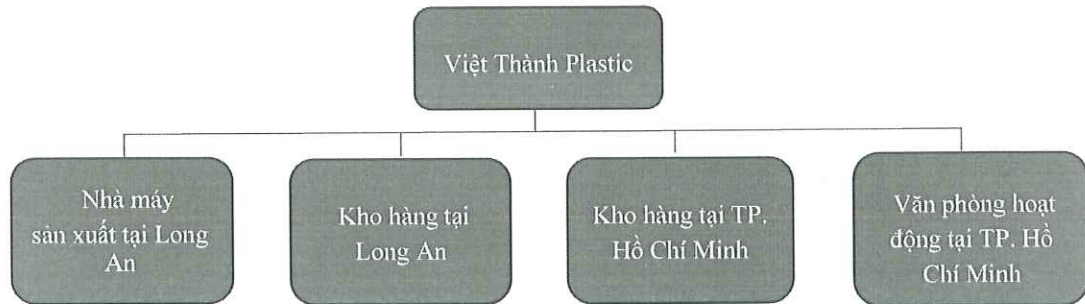
*Keppa*

1109  
CÔNG TY  
SẢN  
GIAI  
THÀNH  
T.L.C

11/21  
CÔNG TY  
SẢN  
GIAI  
THÀNH  
T.L.C



2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Công ty đặt nhà máy sản xuất tại: Số 107 đường 2A, Khu 5, ấp Bình Tả 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Địa chỉ văn phòng tại TP. HCM: Số 611/2 Trần Đại Nghĩa, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp HCM.

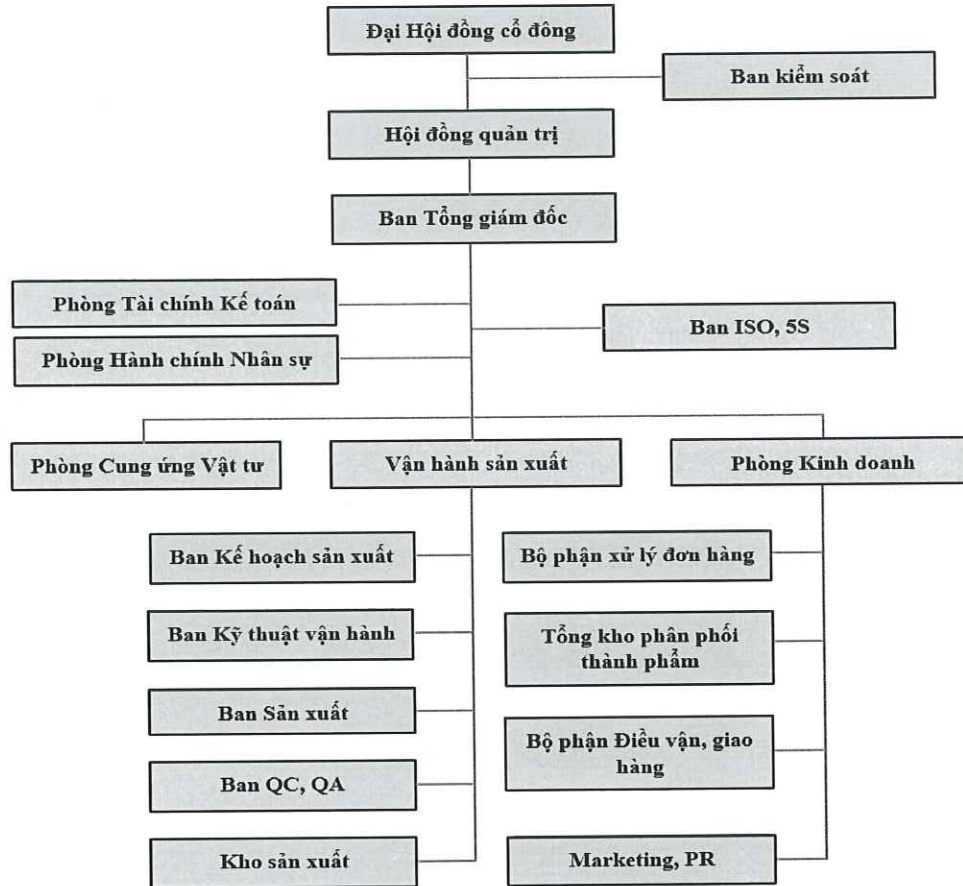
Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các phòng, ban chức năng;
- Nhà máy sản xuất;
- Kho hàng tại Long An và TP. Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh.

30-C  
QUẢN  
NHỰA  
H  
NG A



Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty



Nguồn: Nhựa Việt Thành

❖ **Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo của Hội đồng Quản trị; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, gồm 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích





và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Các quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty hiện có 05 thành viên bao gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên, trong đó có 02 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

**Bảng 3: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị**

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2.	Phan Văn Quân	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3.	Phan Hùng Cường	Thành viên Hội đồng quản trị
4.	Nguyễn Tiến Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
5.	Hoàng Đỗ Nguyên Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

*Nguồn: Nhựa Việt Thành*

❖ **Ban Kiểm soát**

- Ban kiểm soát (BKS) của Công ty gồm ba (03) thành viên do ĐHCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- BKS thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
- Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.

**Bảng 4: Danh sách Ban Kiểm soát**

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Trọng Huy	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Phan Thị Thanh Lý	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Phạm Đức Cường	Thành viên Ban kiểm soát

*Nguồn: Nhựa Việt Thành*

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

- Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm ba (03) người gồm: 01 Tổng Giám đốc và 02



Phó Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

- Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được Tổng Giám đốc phân công.

**Bảng 5: Thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Phan Văn Quân	Tổng giám đốc
2.	Nguyễn Trung Ngọc	Phó Tổng giám đốc
3.	Hồ Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc

*Nguồn: Nhựa Việt Thành*

❖ **Bộ phận Tài chính – Kế toán**

- Chức năng:
  - Tham mưu cho ban TGD về chế độ kế toán và công tác quản lý tài chính.
  - Thu thập và xử lý thông tin có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong kỳ kế toán.
  - Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dựa trên cơ sở các thông tin tài chính của Công ty, thực hiện theo dõi báo cáo và đôn đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng.
  - Tham mưu đề xuất việc khai thác, huy động và sử dụng các nguồn vốn của Công ty một cách kịp thời cho sản xuất kinh doanh.
  - Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác nhằm phục vụ tốt công tác kinh doanh của Công ty.
- Nhiệm vụ:
  - Tổ chức công tác kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống sổ sách và ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính theo đúng quy định của pháp luật.
  - Lập báo cáo quản trị, báo cáo ban TGD báo cáo tài chính và báo cáo quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
  - Đề xuất các phương án huy động, sử dụng vốn của Công ty; Lập các hồ sơ liên quan đến công việc huy động và sử dụng vốn của Công ty.

*Kuyae*

0310  
CÔ  
PHÁ  
THƯ  
IẾT  
HỒ



7109  
CÔNG TY  
SẢN  
MẠI  
TH  
T.L

- Thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đúng theo quy định của pháp luật.
  - Báo cáo ban TGD về tình hình tài chính của Công ty, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trình ban TGD, theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch đã đề ra.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Tổng giám đốc
- ❖ **Phòng Hành chính nhân sự**
- Hoạch định và phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng theo đúng nhu cầu và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty; Hoạch định ngân sách nhân sự phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty.
  - Xây dựng chế độ tiền lương cho nhân sự của Công ty.
  - Xây dựng chính sách về nhân sự như: mối quan hệ lao động, tiêu chuẩn công việc, an toàn lao động, sức khỏe và các vấn đề khác cho người lao động.
  - Nghiên cứu hợp lý hóa cơ cấu tổ chức đáp ứng được nhu cầu phát triển, tạo sự linh hoạt trong hệ thống.
  - Quy hoạch đội ngũ kế cận và thiết lập lộ trình thăng tiến cho CBCNV.
  - Lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng hàng quý, hàng năm.
  - Dự trù ngân sách tuyển dụng, hoàn thành thủ tục, quy trình tuyển dụng.
  - Tuyển dụng nhân viên theo đúng yêu cầu các phòng ban, thực hiện phân công nhân viên về các phòng ban theo đúng quy trình thủ tục.
  - Đánh giá chất lượng tuyển dụng báo cáo lãnh đạo Công ty.
  - Tổ chức đào tạo, đánh giá thành tích, năng lực CBCNV, quản lý mối quan hệ nhân sự, lương, thưởng.
  - Quản lý hồ sơ và các tài sản hành chính tại văn phòng Công ty.
  - Theo dõi, giám sát, kiểm tra việc sử dụng các tài sản hành chính tại văn phòng.
  - Quản lý dấu, và các công việc thuộc hành chính như: công văn đi, công văn đến và phân về các phòng ban, lưu trữ bảo vệ các tài liệu của Công ty.
  - Định kỳ báo cáo công tác lưu trữ, công tác quản lý hồ sơ cho trưởng phòng Hành chính.
  - Quản lý bộ phận bảo vệ của Công ty.
- ❖ **Ban ISO, 5S**
- Tham mưu cho lãnh đạo về cơ cấu tổ chức, phân công trách nhiệm, quyền hạn cho các phòng ban, bộ phận, các chức danh; Đề xuất các chính sách về chất lượng; Soạn thảo quy chế, hướng dẫn công việc, mô tả công việc, hướng dẫn công việc, biểu mẫu,... trình Ban lãnh đạo thông qua.

*Kieuca*



- Tham mưu cho ban lãnh đạo bộ quy tắc 5S áp dụng từng thời điểm phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đào tạo cho các phòng ban về bộ quy tắc 5S.
- Kiểm tra việc thực hiện 5S của các phòng ban.
- Báo cáo ban Tổng giám đốc về việc thực hiện bộ quy tắc 5S.

❖ **Phòng Kinh doanh**

Phòng kinh doanh bao gồm các bộ phận: Bộ phận xử lý đơn hàng, tổng kho phân phối thành phẩm, bộ phận Điều vận giao hàng, Marketing và PR

- Nhận đơn hàng, lập kế hoạch giao hàng chuyển Ban Tổng giám đốc phê duyệt
- Tổ chức nghiên cứu & phát triển sản phẩm, phát triển thị trường.
- Dự báo nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm nghiên cứu phát triển, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm chuyển Ban Tổng giám đốc phê duyệt.
- Tổ chức nhận thành phẩm từ Bộ phận sản xuất, tổ chức giao hàng theo đơn đặt hàng, theo nhu cầu của từng thị trường đối với sản phẩm nghiên cứu phát triển.
- Tổ chức các hoạt động marketing, PR để tiêu thụ các sản phẩm do Công ty phát triển.
- Tổ chức hoạt động tại kho thành phẩm đảm bảo thành phẩm được luân chuyển liên tục.
- Vận hành hoạt động bộ phận điều vận giao hàng đảm bảo hàng hóa kịp thời chính xác tránh thất thoát lãng phí.
- Xây dựng mối quan hệ với đối tác, đại lý, khách hàng.
- Tổ chức lập kế hoạch tham mưu, giúp việc cho TGD về công tác kinh doanh các sản phẩm thương mại và dịch vụ của Công ty (xây dựng chính sách bán hàng, sản phẩm thu hút khách hàng,...);
- Thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh và mạng lưới khách hàng theo tháng, theo quý, theo năm;
- Tổ chức bộ máy nhân sự, phân công công việc trong Phòng để hoàn thành kế hoạch kinh doanh, kế hoạch công việc của phòng đã được phê duyệt theo từng thời kỳ.
- Thực hiện báo cáo quản trị theo quy định của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của ban TGD.
- Đánh giá việc tổ chức thực hiện quy trình để liên tục cải tiến nâng cao hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban TGD giao phó, và chịu trách nhiệm với TGD về các chức năng nhiệm vụ được giao.



❖ **Phòng Cung ứng vật tư**

- Phối hợp các phòng, lên kế hoạch thu mua nguyên vật liệu; Am hiểu lĩnh vực ngành hàng mình đang cung ứng, xác định tiêu chuẩn cụ thể cho từng hạng mục sản phẩm hàng hóa; Thẩm định chất lượng hàng hóa trên tiêu chuẩn đã có.
- Đảm bảo các sản phẩm hàng hóa mua về trong mức đơn giá quy định của Công ty.
- Nghiên cứu và lựa chọn nhà cung cấp: Tìm các nhà cung cấp đáp ứng được các nhu cầu về chất lượng hàng hóa, giá cả ổn định, tiết kiệm chi phí vận chuyển cho Công ty.
- Thống kê ghi chép (phiếu nhập xuất kho, biên bản bàn giao máy móc, thiết bị, sổ theo dõi cung cấp vật tư) theo quy định của Công ty, Nhà nước.
- Hoàn thiện thủ tục thanh toán cho nhà cung cấp trong nước theo đúng thời hạn ghi trên hợp đồng mua bán.
- Quản lý kho hàng của Công ty, nhập hàng hóa qua phần mềm; Báo cáo hàng nhập về định kỳ hàng tháng, quý, năm.
- Kết hợp các phòng ban khác để lập dự toán chi phí cho các hợp đồng.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc thẩm quyền mua sắm thiết bị, thanh lý các thiết bị không còn hiệu quả khai thác.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Tổng giám đốc.

❖ **Vận hành sản xuất:**

Bộ phận Vận hành sản xuất của Công ty bao gồm các ban sau: Ban Kế hoạch sản xuất, Ban kỹ thuật vận hành, Ban sản xuất, Ban QC&QA, Kho sản xuất.

○ **Ban Kế hoạch sản xuất**

- Căn cứ vào kế hoạch tổng thể sản xuất Ban lãnh đạo đã phê duyệt, lập kế hoạch sản xuất đối với từng sản phẩm đảm bảo sản xuất theo đúng kế hoạch Ban lãnh đạo đã đề ra;
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về kế hoạch sản xuất.
- Phối hợp với Phòng kinh doanh nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và kế hoạch sản xuất sản phẩm mới trình Ban Tổng giám đốc.
- Theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất của bộ phận sản xuất.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Tổng giám đốc.

○ **Ban Kỹ thuật vận hành**

- Quản lý, điều hành và kiểm tra những việc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ nhằm đảm bảo tiến độ sản xuất, kế hoạch của Công ty. Đồng thời đảm bảo an toàn lao động, chất lượng cũng như khối lượng và hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.



- Quản lý việc sử dụng, sửa chữa, bảo trì, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng phương án thi công, phương án kỹ thuật cho các dự án; xác định các loại phương tiện, máy móc, thiết bị thi công và các nguồn lực cần thiết khác cho việc thực hiện dự án và các kế hoạch sản xuất.
- Thực hiện việc bảo trì, sửa chữa các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
- Vận hành xưởng khuôn mẫu thiết kế theo yêu cầu của Phòng Kinh doanh đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Kiểm tra khối lượng, chất lượng, quy cách vật tư và xác định mức hao phí phù hợp với cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Tổng giám đốc.

o **Ban Sản xuất**

- Theo dõi tình hình về sản xuất của Công ty, đảm bảo các yếu tố về kỹ thuật, các hoạt động xuất nhập khẩu, các hoạt động nghiên cứu để đổi mới sản phẩm, hoạt động đánh giá chất lượng sản phẩm, hoạt động vận chuyển sản phẩm đến với khách hàng, hoạt động quản lý sản phẩm theo đúng chất lượng,....
- Đảm bảo tiến độ sản xuất kịp thời, số lượng cũng như chất lượng hàng hóa đạt tiêu chuẩn theo đúng kế hoạch đề ra.
- Lên kế hoạch về nhu cầu, điều phối, luân chuyển trang thiết bị vật tư.
- Quản lý nhân sự, quản lý sử dụng trang thiết bị, tổ chức sản xuất, an toàn lao động.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo tổ chức sản xuất tối đa hóa công suất sản xuất của máy móc thiết bị.
- Quản lý kho hàng của Công ty trực thuộc nhà máy sản xuất.
- Theo dõi, giám sát quá trình và báo cáo tiến độ sản xuất hàng ngày với cấp trên.

o **Ban QC, QA**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc quy trình kiểm tra chất lượng đối với từng loại sản phẩm đáp ứng mục tiêu nhanh nhất, gọn nhất và tốt nhất.
- Tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng đối với từng đơn hàng theo kế hoạch sản xuất.
- Báo cáo Ban Tổng giám đốc về số lượng sản phẩm lỗi, hỏng theo từng tháng, từng quý, từng năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Tổng giám đốc Công ty.

o **Kho sản xuất:**

...D.N.  
...C  
...V  
...D



- Theo dõi số lượng nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm nhập xuất kho sản xuất.
- Xếp xếp hàng hóa trong kho sản xuất đảm bảo gọn gàng, sạch sẽ, dễ dàng trong hoạt động nhập xuất kho.
- Nhập xuất nguyên vật liệu, thành phẩm hàng hóa theo yêu cầu của bộ phận sản xuất theo kế hoạch sản xuất, theo kế hoạch giao hàng.
- Tổng hợp nhập, xuất, tồn kho và kiểm tra số lượng tồn kho đối chiếu với các bộ phận liên quan.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Tổng giám đốc.

### 3. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông của Công ty

#### 3.1 Danh sách cổ đông lớn của Công ty

**Bảng 6: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty**

TT	Tên cổ đông	Chức vụ tại Công ty	Số CMND/CCCD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	082073000450	5.100.900	25,5%
2	Phan Văn Quân	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	025123890	3.700.000	18,5%
<b>Tổng cộng</b>				<b>8.800.900</b>	<b>44%</b>

*Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách Cổ đông của Nhựa Việt Thành chốt ngày 16/09/2021*

#### 3.2 Cơ cấu cổ đông của Công ty

**Bảng 7: Cơ cấu Cổ đông của Công ty**

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>245</b>	<b>20.000.000</b>	<b>100%</b>
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	245	20.000.000	100%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>245</b>	<b>20.000.000</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách Cổ đông của Nhựa Việt Thành chốt ngày 16/09/2021*

(\*) Từ ngày 16/09/2021 đến ngày ký Bản cáo bạch này, danh sách cổ đông của Công ty không có sự thay đổi.

031  
C  
PH  
TH  
VIỆ  
HỒ



4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

a) Sản phẩm chính của Công ty

➤ Nhóm sản phẩm Ly/Ca nhật/Hũ

+ Sản phẩm Ly gồm 04 sản phẩm:



Ly Kim Cương



Ly Cốc kiếng



Ly Cầu kiếng



Ly Cầu màu

+ Sản phẩm Ca bao gồm các sản phẩm sau:



Ca Nhật 2,5 Lít



Ca Nhật 2 Lít



Ca Nhật 1,5 Lít

+ Sản phẩm Hũ bao gồm các sản phẩm sau:



Hũ tròn



Hũ vuông



Hũ bát giác lớn



Hũ tròn cao

0710  
ÔNG  
ÀN SẢ  
NG M  
TH  
A-T.





➤ **Nhóm sản phẩm Bàn/Ghế**

+ Nhóm sản phẩm Ghế, bao gồm các sản phẩm sau:



**Ghế dựa  
chân gỗ tròn**



**Ghế dựa  
chân gỗ chữ a**



**Ghế bành cà phê  
chân inox**



**Ghế lùn**



**Ghế dựa nhỏ**



**Ghế bành**



**Ghế dựa lớn**



**Ghế cao**



**Ghế thấp**

+ Nhóm sản phẩm Bàn, bao gồm:



**Bàn đan mây  
chân inox**



**Bàn đan mây  
chân trụ sắt**



**Bàn đan mây  
chân nhựa**



**Bàn chữ nhật**



➤ Nhóm sản phẩm tủ nhựa, bao gồm:



Tủ Vita – L  
3/4/5 ngăn



Tủ Vita – LA  
3/4/5 ngăn



Tủ Note  
3/4/5 ngăn



Tủ Vita – M  
3/4/5 ngăn

➤ Nhóm sản phẩm gia dụng



Cắn xé  
Nhỏ/trung/lớn



Kệ 3 hoặc 4 tầng



Gáo cơ nhôm/lớn



Ky cán nhôm/lớn



Giỏ



Thùng  
25/35/45/60 Lit



Xô  
Từ 4 – 20 lít



Sọt cỡ trung/đại

➤ Nhóm sản phẩm sọt, bao gồm:



Sọt bit  
3 tác 9



Sọt bit  
Loại 1 tác 9



Sọt bit  
Loại 1 tác 5



Sọt bit  
Loại 1 tác

Sóng hồ  
Loại 3 tầng 9,  
Loại 2 tầng 5Sóng hồ  
Loại 1 tầng 9, Loại 1 tầng  
5, Loại 1 tầng

Sóng trái cây



Sóng cá com

## b) Năng lực sản xuất của nhà máy

Diện tích nhà xưởng	: 8.000 m <sup>2</sup>
Kho thành phẩm & văn phòng:	: 6.000 m <sup>2</sup> x 2 tầng
Số lượng máy móc	: 50 máy
Số lượng công nhân	: 350 công nhân
Số ca làm việc	: 2 ca/ngày/24h
Số lượng nhân viên kỹ thuật	: 20 nhân viên
Công suất thiết kế	: 16.800 tấn/năm



Công suất hiện tại	: 11.500 tấn/năm (tương đương 68,45% công suất thiết kế)
Dòng sản phẩm	: 200 dòng sản phẩm

## c) Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 8: Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2019			Năm 2020			9 tháng/2021		
		Sản lượng (tấn)	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	%/doanh thu thuần	Sản lượng (tấn)	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	%/doanh thu thuần	Sản lượng (tấn)	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	%/doanh thu thuần
1	Bàn/Ghế	4.066	167	36,0%	4.087	174	33,1%	5.231	235	31,3%
2	Tủ nhựa	1.544	90	19,4%	1.605	97	18,4%	2.400	153	20,3%
3	Sản phẩm gia dụng	2.175	89	19,2%	2.435	102	19,4%	3.128	138	18,4%
4	Khay, sóng	1.622	63	13,6%	1.680	67	12,7%	2.638	111	14,8%
5	Hũ, ly, ca	287	20	4,3%	460	34	6,5%	411	32	4,3%
6	Gia dụng khác	882	35	7,5%	1.257	52	9,9%	1.919	83	11,0%
	<b>Tổng</b>	<b>10.576</b>	<b>464</b>	<b>100%</b>	<b>11.524</b>	<b>526</b>	<b>100%</b>	<b>15.727</b>	<b>752</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Nhựa Việt Thành



Tổng sản lượng và giá trị (doanh thu) tiêu thụ sản phẩm đều tăng dần qua các năm. Cụ thể, tổng sản lượng tiêu thụ năm 2020 đạt 11.524 tấn, tăng 8,96% so với năm 2019, đồng thời doanh thu thuần năm 2020 đạt 526 tỷ đồng, tăng 13,36% so với năm 2019. 9 tháng đầu năm 2021, sản lượng tiêu thụ đạt 15.727 tấn, doanh thu thuần đạt 752 tỷ đồng, lần lượt tăng 81,96%, 130,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong các sản phẩm được Công ty sản xuất và kinh doanh, nhóm sản phẩm Bàn/Ghế, Tủ nhựa và Sản phẩm gia dụng có doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất, trong đó riêng nhóm Bàn/ghế luôn chiếm tỷ trọng trên 30% tổng doanh thu của Công ty.

#### d) Cơ cấu lợi nhuận gộp

**Bảng 9: Tỷ lệ lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm**

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2019			Năm 2020			9 tháng/2021		
		Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	%/ Tổng lợi nhuận gộp	Tỷ lệ Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	%/ Tổng lợi nhuận gộp	Tỷ lệ Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	%/ Tổng lợi nhuận gộp	Tỷ lệ Lợi nhuận gộp
1.	Bàn/Ghế	19	35,8%	11,4%	21	31,8%	12,1%	25	33,3%	10,6%
2.	Tủ nhựa	10	18,9%	11,1%	12	18,2%	12,4%	15	20,0%	9,8%
3.	Sản phẩm gia dụng	11	20,8%	12,4%	14	21,2%	13,7%	16	21,3%	11,6%
4.	Khay, sọt	6	11,3%	9,5%	8	12,1%	11,9%	9	12,0%	8,1%
5.	Hũ, ly, ca	3	5,7%	15,0%	5,5	8,3%	16,2%	4	5,3%	12,5%
6.	Gia dụng khác	4	7,5%	11,4%	5,5	8,3%	10,6%	6	8,0%	7,2%
	<b>Tổng</b>	<b>53</b>	<b>100%</b>	<b>11,4%</b>	<b>66</b>	<b>100%</b>	<b>12,5%</b>	<b>75</b>	<b>100%</b>	<b>10%</b>

Nguồn: Nhựa Việt Thành

(\*) Tỷ lệ Lợi nhuận gộp được tính bằng Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần của từng nhóm sản phẩm.

03 nhóm sản phẩm hiện đang có lợi thế khi tiêu thụ, chiếm tổng cộng trên 70% lợi nhuận gộp của Công ty là Bàn/Ghế, Tủ nhựa và Sản phẩm gia dụng, do đó trong thời gian qua Công ty tập trung sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm này nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Mức tỷ suất lợi nhuận gộp của các sản phẩm này ở mức trung bình từ khoảng 10-13,7%.

Nhóm sản phẩm có tỷ lệ lợi nhuận gộp cao nhất là Hũ, ly, ca (trung bình khoảng 13%-16%). Tuy nhiên, sản phẩm này có giá bán thấp nên doanh thu và lợi nhuận gộp của nhóm sản phẩm này chiếm tỷ trọng nhỏ (4-6% tổng doanh thu thuần, 5-8% tổng lợi nhuận gộp của Công ty).

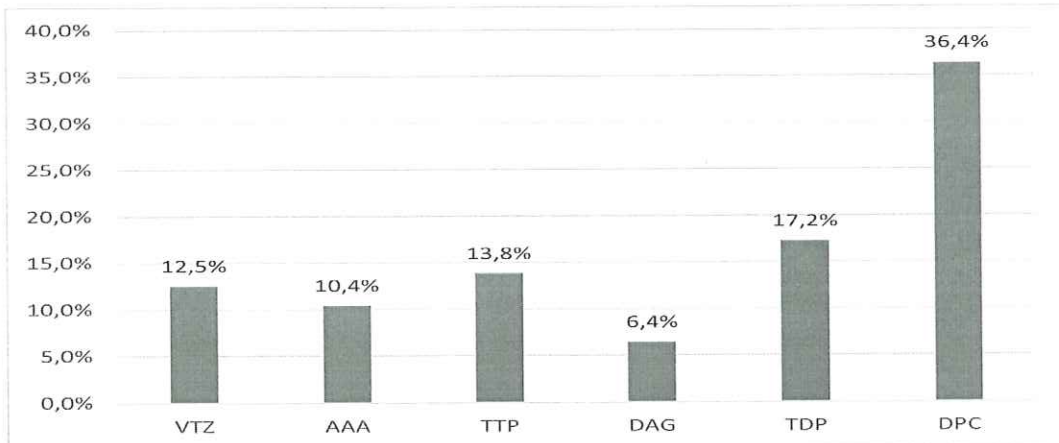
310  
CÔ  
PH  
HƯ  
IÊ  
HÒA  
C. P. I  
C  
C  
CH  
AGF  
D. BA ĐÌNH



Trong khi đó, các sản phẩm phụ trợ cho các ngành như khay, sóng tuy tỷ suất lợi nhuận gộp ở mức thấp hơn (8%-12%) nhưng thị trường tiêu thụ sản phẩm này rất lớn.

Từ những phân tích trên, Công ty luôn có chiến lược đối với từng loại sản phẩm ở từng giai đoạn cụ thể để mở rộng thị trường tiêu thụ và đạt được hiệu quả tối ưu.

### Biểu đồ 3: Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2020 so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành



Tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty năm 2020 là 12,5%. So sánh với các công ty cùng ngành (Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh (AAA), Công ty cổ phần Bao bì nhựa Tân Tiến (TTP), Công ty cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG), Công ty cổ phần Thuận Đức (TDP), Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC)) tại biểu đồ 3 có thể thấy tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2020 ở mức trung bình, cao hơn AAA và DAG.

### 5.2 Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là nhựa PPE, nhựa PE, nhựa PET, nhựa HIPS, nhựa PS, nhựa LD. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như giá thành sản xuất, Công ty luôn thực hiện lựa chọn cạnh tranh để tìm kiếm nhà cung cấp nguyên vật liệu tốt nhất. Nguồn nguyên vật liệu của Công ty trong những năm qua tương đối ổn định và được nhập từ các Công ty uy tín trong và ngoài nước. Chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm phần lớn trong tổng chi phí sản xuất của Công ty (khoảng 70%-80%), vì vậy mọi biến động giá cả nguyên vật liệu đều ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

**Bảng 10: Nguyên liệu chính dùng trong sản xuất**

Stt	Danh mục	Đặc tính	Khối lượng bình quân/năm (tấn)
1.	Nhựa PP	Cứng, dẻo	7.000
2.	Nhựa PE	Cứng, dẻo	4.000
3.	Nhựa HIPS	Cứng	300
4.	Nhựa PS	Trong, cứng	300



Stt	Danh mục	Đặc tính	Khối lượng bình quân/năm (tấn)
5.	Nhựa LD	Đẻo	400
6.	Nhựa PET	Trong	1.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>13.000</b>

Nguồn: Nhựa Việt Thành

**Bảng 11: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu**

Stt	Nhà cung cấp	Quốc tịch	Nguyên vật liệu cung cấp
1.	DOW CHEMICAL PACIFIC LIMITED	Hồng Kông	Nhựa HDPE
2.	HUGESEN POLYMERS USA LP	USA	Nhựa LLDPE, HDPE
3.	TRICON DRY CHEMICAL LLC	USA	Nhựa PET
4.	GEMINI CORPORATION N.V	Bỉ	Nhựa PP
5.	DAELIM CORPORATION	Hàn Quốc	Nhựa PP
6.	A STAR PLASTIC RECYCLING PTE LTD	Singapore	Nhựa PP
7.	JSH ( HONG KONG) LIMITED	Hồng Kông	Nhựa PE
8.	MARUBENI ASEAN PTE.LTD	Singapore	Nhựa PP
9.	SOLMER FUTURE LTD.	Hàn Quốc	Nhựa PE
10.	PEGASUS POLYMERS PTE, LTD	Singapore	Nhựa PP
11.	Công Ty Cổ Phần Tân Phú Sài Gòn	Việt Nam	Nhựa PP, PE, PET, PS
12.	Công Ty TNHH Vạn Liên Hoa	Việt Nam	Nhựa PP, PE, PS
13.	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dầu Khí Miền Trung	Việt Nam	Nhựa PP

Nguồn: Nhựa Việt Thành

### 5.3 Chi phí sản xuất

**Bảng 12: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm**

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		9 tháng/2021	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1.	Giá vốn hàng bán	411.366	88,61%	460.228	87,48%	677.009	90,01%
2.	Chi phí tài chính	16.577	3,57%	23.205	4,41%	21.184	2,82%
3.	Chi phí bán hàng	23.395	5,04%	19.175	3,64%	17.483	2,32%



Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		9 tháng/2021	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
4.	Chi phí QLDN	7.670	1,65%	6.875	1,31%	10.142	1,35%
5.	Chi phí khác	26	0,01%	553	0,11%	43	0,01%
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>459.034</b>	<b>98,88%</b>	<b>510.036</b>	<b>96,94%</b>	<b>725.861</b>	<b>96,51%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 9 tháng đầu năm 2021 của Nhựa Việt Thành

Doanh thu thuần tăng trưởng đều từ năm 2019 - 9 tháng đầu năm 2021 dẫn tới tổng chi phí tăng qua các năm tương ứng với sự tăng trưởng của doanh thu. Tuy nhiên tổng chi phí tăng chậm hơn sự tăng trưởng của Doanh thu thuần, thể hiện ở tỷ trọng tổng chi phí trên Doanh thu thuần có xu hướng giảm dần (98,88% năm 2019, 96,94% năm 2020, 96,51% trong 9 tháng đầu năm 2021), cho thấy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty đang tăng dần qua các năm.

Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu thuần của Công ty (khoảng 87-90%). Cùng với sự tăng trưởng về quy mô của Công ty và việc quản lý hiệu quả trong quá trình sản xuất, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần đang tiến triển theo hướng tích cực, giúp Công ty nâng cao lợi nhuận, gia tăng lợi ích cho các cổ đông. Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần 9 tháng năm 2021 là 90,01% tăng cao hơn so với tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2019 và năm 2020 lần lượt là 88,61% và 87,48%. Nguyên nhân là do giá hạt nhựa nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh do giá dầu thô tăng và giá vận chuyển tăng cao dưới sự tác động nặng nề của dịch Covid-19. Giá bán các sản phẩm của Công ty có xu hướng tăng tuy nhiên mức tăng thấp hơn mức tăng của giá hạt nhựa nguyên vật liệu đầu vào. Ngoài ra, do ảnh hưởng dịch Covid-19, Công ty phát sinh thêm các khoản chi phí khi áp dụng phương án 3 tại chỗ.

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là chi phí lãi vay Ngân hàng. Chi phí tài chính của Công ty tăng mạnh từ năm 2020 (tăng gần 40% so với năm 2019) là do từ năm 2020 Công ty tăng cường vay vốn để mở rộng quy mô sản xuất.

Chi phí bán hàng năm 2020 giảm 18% so với năm 2019 chủ yếu là do chi phí nhân viên bán hàng giảm. Năm 2020, kênh phân phối bán hàng trực tiếp đã đi vào ổn định. Ban lãnh đạo đã có những đánh giá và đưa ra chiến lược cho kênh phân phối này theo hướng tinh giảm hơn và hiệu quả hơn, nên cho dù chi phí nhân viên bán hàng giảm nhưng doanh thu vẫn tăng trưởng đều. 9 tháng đầu năm 2021, chi phí bán hàng tăng 58,85% so với cùng kỳ năm



2020, nguyên nhân là do doanh thu 9 tháng đầu năm 2021 tăng hơn 130% so với cùng kỳ năm 2020 và do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến chuỗi cung ứng của khu vực phía Nam.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 giảm 10,4% so với năm 2019 do trong năm 2020 Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý, đặc biệt là chi phí nhân viên quản lý, nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid 19 đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. 9 tháng đầu năm 2021, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 123,5% so với cùng kỳ 2020, nguyên nhân là do 9 tháng đầu năm 2021, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp hơn rất nhiều so với năm 2020, đặc biệt là các tỉnh khu vực phía Nam. Để tiếp tục duy trì sản xuất, Công ty đã phải áp dụng phương án sản xuất 3 tại chỗ nhằm đảm bảo an toàn sản xuất, tránh bùng phát dịch tại Công ty.

Chi phí khác năm 2020 là hơn 553 triệu đồng, cao hơn so với năm 2019. Nguyên nhân là do năm 2020 Công ty phát sinh khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng trị giá 549 triệu đồng.

#### 5.4 Trình độ công nghệ

Dây chuyền sản xuất sản phẩm nhựa của Công ty là dây chuyền bán tự động, dựa trên công nghệ sản xuất hiện đại đến từ Nhật Bản, Đài Loan. Đối với từng loại sản phẩm, đội ngũ kỹ sư của Công ty phân bổ sử dụng tối đa hiệu suất máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất để đạt hiệu quả tối ưu nhất. Dây chuyền sản xuất tại nhà máy của Công ty bao gồm:



- Hệ thống máy tạo hạt: Là hệ thống máy sử dụng hạt nhựa nguyên sinh kết hợp với các loại bột màu cơ bản, chất phụ gia để tạo ra hạt màu với các màu sắc khác nhau phù hợp với từng sản phẩm của Công ty.
- Hệ thống máy trộn: Là hệ thống máy hoạt động theo nguyên tắc trộn xoắn ốc, dùng để trộn nguyên liệu hạt màu, hạt nhựa và các loại phụ gia để tạo ra nguyên vật liệu

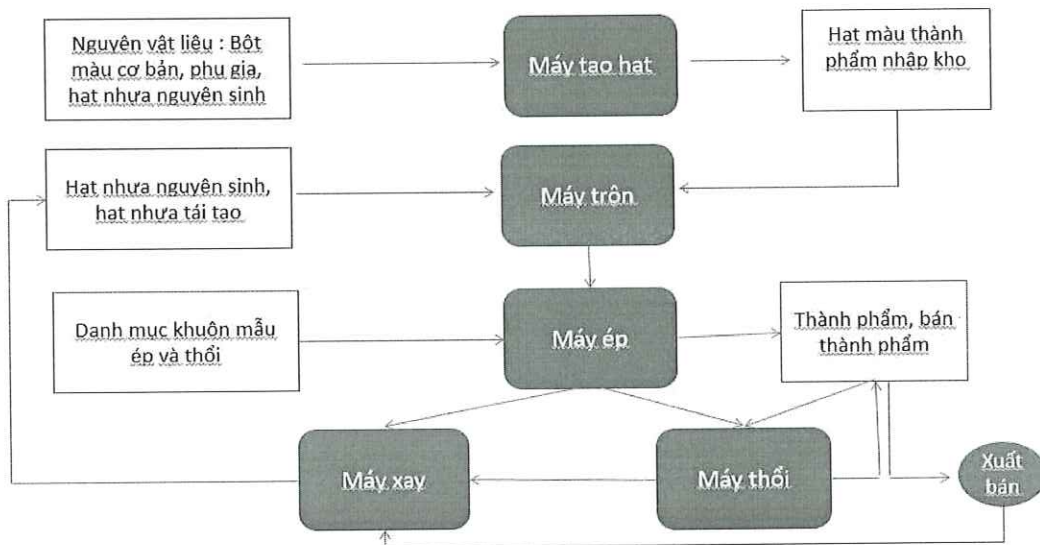


phục vụ cho máy ép.

- Hệ thống máy ép: Là hệ thống giữ khuôn đóng cố định trong quá trình đẩy nhựa nóng chảy bằng một áp lực phun vào lõi khuôn để điền đầy lòng khuôn và mở khuôn sau khi sản phẩm được làm nguội. Sản phẩm sau đó sẽ được đẩy ra ngoài thông qua hệ thống lõi, lấy tay, rôbot.
- Hệ thống máy thổi: Là hệ thống kết hợp với các khuôn sản phẩm cần sản xuất, sử dụng lò nhiệt độ nung nóng và máy nén khí tạo lực thổi định hình bung bán thành phẩm là các loại phôi bán thành phẩm do máy ép và khuôn phôi tạo ra trước đó .
- Máy xay phế phẩm: Là hệ thống máy sử dụng để tái chế các sản phẩm nhựa hư hỏng. Có tác dụng nghiền các sản phẩm lỗi, sản phẩm nhựa phế liệu để chuyển vào máy tạo hạt tạo ra các hạt màu.
- Khuôn thép: dùng để định hình kết hợp giữa máy ép và máy thổi tạo, nguyên vật liệu nhựa đã pha hạt màu để tạo ra thành phẩm. Mỗi sản phẩm là một khuôn riêng biệt.

### Quy trình sản xuất

Sơ đồ 2: Quy trình sản xuất của Công ty



### Mô tả quy trình:

- Tạo hạt nhựa màu: Từ các loại hạt nhựa nguyên sinh nhập khẩu, cùng các chất phụ gia, bột màu cơ bản được trộn đều đưa vào hệ thống máy tạo hạt để cho ra hạt màu với đủ các loại màu sắc, có thể đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của khách hàng. Sau đó các hạt màu sẽ được nhập kho phục vụ kế hoạch sản xuất theo đơn hàng từng thời kỳ.



- Tạo nguyên liệu hoàn chỉnh sản xuất: Hạt nhựa màu sau khi được tạo ra, sẽ được nghiên cứu kết hợp với các loại hạt nhựa nguyên sinh, hạt nhựa tái sinh và chất phụ gia khác cho vào máy trộn thử nghiệm để tạo ra công thức định mức nguyên vật liệu (BOM). Căn cứ yêu cầu sản xuất theo từng chủng loại sản phẩm và màu sắc do bộ phận kế hoạch sản xuất lập, bộ phận phối trộn tiến hành pha nguyên vật liệu theo BOM đưa vào hệ thống máy trộn đều tạo nên hỗn hợp nguyên vật liệu chính của quy trình ép sản xuất đại trà.
- Quy trình ép: Nguyên vật liệu chính đã trải qua quy trình phối trộn sẽ được đưa vào máy ép và khuôn mẫu tạo ra các loại thành phẩm, bán thành phẩm nhập kho theo kế hoạch sản xuất.
- Quy trình thổi: Phôi bán thành phẩm kết hợp nắp hũ bao bì được đưa qua hệ thống máy thổi và khuôn mẫu tạo hình sản phẩm hũ, hệ thống lò nung nhiệt độ và hệ thống nén khí thổi, sản phẩm sẽ định hình ra từng loại hũ keo bao bì được đóng gói và nhập kho chờ xuất bán.
- Tái chế phế phẩm hư hỏng, hàng trả: Thành phẩm, bán thành phẩm bị lỗi, sản phẩm trả về, đuôi keo thu hồi trong sản xuất sẽ được đưa qua hệ thống máy nghiền, xay keo thành các hạt nhựa tái sinh được gọi là bavia nhập lại kho chờ phối trộn lại.
- Xuất bán: Thành phẩm được xuất bán ra thị trường qua các nhà phân phối và đại lý phân phối trên toàn quốc.
- Với sự kết hợp giữa dây chuyền máy móc đến từ Nhật Bản, Đài Loan, ... với trí tuệ Việt, Công ty đã cho ra thị trường những sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đa dạng, màu sắc tươi sáng, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Đồng thời, với việc sử dụng nguồn nguyên liệu hạt nhựa, bột màu cơ bản 100% chính phẩm được nhập từ các quốc gia trên thế giới như Ả-rập, Mỹ, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc... đã tạo nên sản phẩm chất lượng vượt trội.

#### 5.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

- Công ty luôn chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển cả về con người lẫn máy móc thiết bị. Đây được xem là lợi thế của Công ty với các đối thủ cạnh tranh. Việc nghiên cứu và phát triển do Phòng kinh doanh của Công ty phụ trách, bao gồm đội ngũ cán bộ dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực nhựa và các sản phẩm về nhựa nhằm mục tiêu cạnh tranh với các sản phẩm trên thị trường cũng như nắm bắt nhu cầu mới của khách hàng.
- Công ty đều tổ chức các chuyến đi tiếp xúc trực tiếp để tìm hiểu về nhu cầu của khách hàng nhằm có giải pháp điều chỉnh sản phẩm cho phù hợp, đồng thời tìm hiểu nhu cầu mới phát sinh để có kế hoạch cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của



người tiêu dùng về chất lượng, mẫu mã và tính an toàn của sản phẩm đối với môi trường.

- Tìm hiểu, phân tích nhu cầu một số sản phẩm mới hoặc các sản phẩm đã xuất hiện trên thị trường.
- Đề xuất phương án cải tiến các sản phẩm cũ đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

#### 5.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

##### ✦ **Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng**

Hiện tại, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2000 và đang hoàn thiện quy trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2015.

##### ✦ **Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty**

Công ty thiết lập Ban QC, QA để điều hành việc quản lý chất lượng trong toàn bộ quy trình sản xuất của Công ty, từ sản xuất, lưu kho sản phẩm cho đến hoạt động cung ứng sản phẩm ra ngoài thị trường. Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty được tổ chức chặt chẽ, hoạt động có hệ thống, tuân thủ theo chính sách chất lượng của Công ty. Cải tiến liên tục và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình là cốt lõi của hệ thống quản lý, giúp mang lại hiệu quả hoạt động cao cho Công ty và giúp giảm thiểu các chi phí phát sinh không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực trong quá trình hoạt động.

#### 5.7 Hoạt động Marketing

##### a) **Chiến lược quảng bá thương hiệu**

Hoạt động quảng bá thương hiệu của Nhựa Việt Thành bao gồm:

- Quảng cáo thương hiệu sản phẩm trên các loại hình mạng Internet.
- Quảng bá thương hiệu sản phẩm trên các báo chí, tạp chí.
- Quảng bá thương hiệu sản phẩm bằng cách tham dự hội chợ.
- Quảng bá thương hiệu sản phẩm bằng tổ chức hội nghị giới thiệu sản phẩm mới, hội nghị khách hàng.

##### b) **Chính sách chăm sóc khách hàng**

- Khách hàng luôn là nguồn tài sản vô giá của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty rất coi trọng công việc chăm sóc khách hàng nhằm khiến khách hàng cảm thấy thoải mái và luôn trung thành với sản phẩm của doanh nghiệp. Bằng cách tạo dựng tối đa các cách thức để tiếp nhận các ý kiến phản hồi của khách hàng, Công ty đã xây dựng thành công đội ngũ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp làm việc tại các khu vực trực thuộc nhà phân phối các tỉnh, góp phần giữ chân các khách hàng cũ và thu hút lượng lớn các khách hàng mới.
- Công ty cũng đặc biệt chú trọng chăm sóc khách hàng qua kênh website, facebook ...



bằng việc thành lập bộ phận các nhân viên kinh doanh online sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến các sản phẩm của Nhựa Việt Thành. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên mời các đối tác, nhà phân phối tới thăm nhà máy sản xuất, môi trường làm việc của Công ty. Công ty cũng thường xuyên tổ chức hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của khách hàng, để từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

**c) Các hoạt động xây dựng thương hiệu nội bộ và văn hóa doanh nghiệp**

Bên cạnh công tác xây dựng thương hiệu ra công chúng, Công ty cũng tập trung chú trọng đến việc xây dựng thương hiệu nội bộ và văn hóa doanh nghiệp thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp và gián tiếp để CBCNV nâng cao tầm nhận thức về giá trị thương hiệu của Công ty, đồng thời là kênh marketing truyền miệng lan tỏa giá trị thương hiệu của Công ty tới môi trường xung quanh của CBCNV.

**5.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành:



Biểu tượng trên dùng làm nhãn hiệu quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Nhãn hiệu này đã được đăng ký và được cấp quyền sở hữu.

**5.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

**Bảng 13: Các hợp đồng bán hàng Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết**

TT	Tên nhà phân phối	Sản phẩm, dịch vụ	Loại hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)
<b>Hợp đồng đã thực hiện</b>					
1.	Chánh Đại (An Giang)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	12.000
2.	Chị Oanh (Tây Ninh)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	36.000
3.	Nam Hưng (Vĩnh Long)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	18.000



BẢN CÁO BẠCH ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU



TT	Tên nhà phân phối	Sản phẩm, dịch vụ	Loại hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)
4.	Long Phụng (Quảng Ngãi)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	15.000
5.	Hiệp Thành (Bến Tre)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	9.000
6.	Duyên Hải (Bà Rịa Vũng Tàu)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	18.000
7.	Hiệp Phát (Quy Nhơn)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	24.000
8.	Dung Tỳ Hoa (Kiên Giang)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	12.000
9.	Đức Khôi (Nha Trang)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	12.000
10.	Đông Nguyên (Gia Lai)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	9.600
11.	Vạn Hưng (Đồng Tháp)	Sóng	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	12.000
12.	Kiến Thiết (Bình Dương)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	9.600
13.	Dung Bình	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	12.000
14.	Lê Ngọc (Tây Ninh)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2020	14.400
15.	Công ty TNHH Song An Nguyễn – Đồng Nai	Sóng và nhựa gia dụng	Hợp đồng nguyên tắc bán hàng	03/01/2020	40.000
16.	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đại Việt Hương - CN Vĩnh Long	Giò xách, sọt, xô	Hợp đồng nguyên tắc bán hàng	05/01/2020	9.000
17.	Công ty TNHH SX TM DV và xuất nhập khẩu Âu Lạc Việt Nam – Vũng Tàu	Sóng và nhựa gia dụng	Hợp đồng nguyên tắc bán hàng	06/02/2020	30.000
18.	Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Đức Anh Phát – Bình Dương	Sóng và nhựa gia dụng	Hợp đồng nguyên tắc bán hàng	05/03/2020	60.000
<b>Tổng</b>					<b>352.600</b>
<b>Hợp đồng bán hàng đã ký kết và đang thực hiện</b>					
1.	Chánh Đại (An Giang)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	15.600

*Thuy*

1.03  
 CỘP  
 À TH  
 VIỆ  
 CH

**BẢN CÁO BẠCH ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỎ PHIẾU**

TT	Tên nhà phân phối	Sản phẩm, dịch vụ	Loại hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)
2.	Chị Oanh (Tây Ninh)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	46.800
3.	Nam Hưng (Vĩnh Long)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	23.400
4.	Long Phụng (Quảng Ngãi)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	19.500
5.	Hiệp Thành (Bến Tre)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	11.700
6.	Duyên Hải (Bà Rịa Vũng Tàu)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	23.400
7.	Hiệp Phát (Quy Nhơn)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	31.200
8.	Dung Tỳ Hoa (Kiên Giang)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	15.600
9.	Đức Khôi (Nha Trang)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	15.600
10.	Đông Nguyên (Gia Lai)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	12.480
11.	Vạn Hưng (Đồng Tháp)	Sóng	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	15.600
12.	Kiến Thiết (Bình Dương)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	12.480
13.	Dung Bình	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	15.600
14.	Lê Ngọc (Tây Ninh)	Nhựa gia dụng các loại	Hợp đồng nhà phân phối 12 tháng	02/01/2021	18.720
15.	Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Đức Anh Phát – Bình Dương	Sóng và nhựa gia dụng	Hợp đồng nguyên tắc bán hàng	02/01/2021	120.000
16.	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đại Việt Hương - CN Vĩnh Long	Giỏ xách, sọt, xô	Hợp đồng nguyên tắc bán hàng	05/02/2021	10.000
<b>Tổng</b>					<b>407.680</b>

Nguồn: Nhựa Việt Thành

Ngoài hợp đồng lớn trên, Công ty còn bán sản phẩm cho các khách hàng là các công ty, nhà máy với giá trị hợp đồng nhỏ. Công ty dự kiến sẽ đẩy mạnh hoạt động bán



hàng đối với các công ty trong các khu công nghiệp sau khi hoàn thành việc đầu tư dây chuyền sản xuất Pallet và thùng rác công nghiệp vào cuối năm 2021 đầu năm 2022.

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

**Bảng 14: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm**

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	9 tháng /2021
Tổng giá trị tài sản	371.153	492.756	32,76%	760.434
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản ngắn hạn</i>	279.782	359.121	28,36%	536.467
<i>Tài sản dài hạn</i>	91.371	133.635	46,26%	223.966
Vốn chủ sở hữu	62.646	114.787	83,23%	240.983
<i>Trong đó: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	1.645	14.786	798,84%	35.850
Doanh thu thuần	464.231	526.121	13,33%	752.133
Lợi nhuận gộp	52.865	65.893	24,64%	75.124
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.238	16.650	217,87%	26.317
Lợi nhuận khác	10	(272)	-2.820%	13
Lợi nhuận trước thuế	5.248	16.378	212,08%	26.330
Lợi nhuận sau thuế	5.248	13.141	150,40%	21.063
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	10,6%	14,81%		11,8%

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty năm 2020, BCTC tự lập 9 tháng đầu năm 2021 của Nhựa Việt Thành

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2020 của Công ty tăng hơn 121 tỷ đồng, tương ứng tăng 32,76% so với cuối năm 2019. Trong đó, Tài sản ngắn hạn tăng hơn 79 tỷ đồng, tương ứng tăng 28,36%, chủ yếu do tăng hàng tồn kho 69 tỷ đồng; Tài sản dài hạn tăng hơn 42 tỷ đồng, tương ứng tăng 46,26% so với năm 2019, chủ yếu do năm 2020, sau khi hệ thống kênh phân phối của Công ty đã tạm thời ổn định, Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường thông qua việc mở rộng nhà xưởng, mua sắm thêm máy móc trang thiết bị.



Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2020 tăng hơn 52 tỷ đồng, tương ứng tăng 83,23% so với năm 2019 chủ yếu do năm 2020, Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

Tại thời điểm đầu năm 2019, Công ty tồn tại lỗ lũy kế hơn 3,6 tỷ đồng. Nguyên nhân là do năm 2018, Ban lãnh đạo Công ty quyết định tham gia vào kênh phân phối trực tiếp, xây dựng đội ngũ bán hàng riêng của Công ty. Việc mới đầu tư vào kênh phân phối bán hàng riêng đã khiến cho chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, tuy nhiên hiệu quả chưa cao và năng lực sản xuất cũng chưa đáp ứng kịp dẫn tới việc thu nhập không đủ bù đắp chi phí, theo đó năm 2018 Công ty lỗ gần 7 tỷ đồng. Trong những năm tiếp theo, Công ty đã khai thác hiệu quả hơn kênh bán hàng trực tiếp này, đồng thời nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường. Nhờ vậy, tuy doanh thu thuần năm 2020 chỉ tăng 13,33% nhưng lợi nhuận trước thuế tăng 212,08% so với năm 2019, góp phần bù đắp hết khoản lỗ lũy kế trước đó.

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 tăng 212,08% so với năm 2019 nhưng lợi nhuận sau thuế năm 2020 chỉ tăng 150,4% so với năm 2019. Nguyên nhân là do năm 2019, Công ty được chuyển lỗ từ năm 2018 sang là 5,272 tỷ đồng nên Công ty không phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2020, số lỗ năm 2018 chuyển sang chỉ còn 1,605 tỷ đồng nên Công ty phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp 3,236 tỷ đồng.

9 tháng đầu năm 2021, sản lượng tiêu thụ đạt 15.727 tấn, doanh thu thuần đạt 752 tỷ đồng, lần lượt tăng 81,96%, 130,5% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2021 cao gấp 4,74 lần so với cùng kỳ năm 2020. Có được kết quả trên là do sự gia tăng mạnh nhu cầu về các sản phẩm nhựa sử dụng để bán hàng mang về cũng như sử dụng trong các khu cách ly và trong các doanh nghiệp sản xuất áp dụng 3 tại chỗ. Ngoài ra, trong giai đoạn này, Công ty mua sắm thêm máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất kinh doanh đáp ứng khả năng tiêu thụ của kênh phân phối.

## 6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

### **⚡ Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**

Nền kinh tế thế giới năm 2020 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức khi diễn biến của dịch Covid - 19 ngày càng phức tạp. Cùng với ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, sự bất ổn chính trị ở nhiều khu vực Châu Âu, Trung Đông... và sức khỏe của các nền kinh tế Mỹ, Trung Quốc... đã gây ảnh hưởng khó lường đối phần còn lại của kinh tế thế giới, đặc biệt liên quan tới các ngành nghề khá nhạy cảm với thị trường như: bất động sản, vật liệu xây dựng, giá hàng hóa xăng, dầu... Dịch bệnh Covid - 19 chưa được kiểm soát, khiến hoạt động kinh tế không liên tục, gây khó khăn lớn tới quá trình kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên với chính sách điều hành hiệu quả với mục tiêu ổn định nền kinh tế vĩ mô của cơ quan Nhà nước đã tạo điều kiện rất lớn giúp các doanh nghiệp ổn định sản xuất, hạn chế rủi ro thấp nhất từ các sự kiện xấu trên thế giới. Cụ thể:

130  
Y  
XUẤT  
NHỰA  
NH  
DONG P





❖ **Thuận lợi**

- Chính phủ đồng ý với kiến nghị không tăng thuế nhập khẩu nguyên liệu nhựa PP từ mức 3% lên 5%. Đây là tin vui đối với cộng đồng doanh nghiệp ngành nhựa. Việc giữ nguyên mức thuế nguyên liệu nhựa PP sẽ được kéo dài đến năm 2022, khi các nhà máy sản xuất nguyên liệu trong nước đảm bảo nguồn cung trên 50% sản lượng nội địa;
- Ban Lãnh đạo của Công ty dần dần được kiện toàn; các công nhân được tập huấn nghiệp vụ tại chỗ và qua các chương trình đào tạo của Công ty. Toàn thể cán bộ - công nhân viên trong Công ty đều tin tưởng, đồng sức, đồng lòng cùng Ban Lãnh đạo Công ty quyết tâm thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất – kinh doanh đề ra từ đầu năm. Với lợi thế đó, Công ty hoàn toàn có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.
- Công ty hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ lúc thành lập, không có yếu tố gia đình; Các thành viên Ban lãnh đạo đều có trình độ từ Đại học trở lên, có kinh nghiệm lâu năm trong ngành nhựa. Đội ngũ nhân viên công ty tập hợp nhiều nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong ngành nhựa và đã làm việc ở các công ty nhựa lớn như Đại Đồng Tiến, Duy Tân, Long Thành;
- Công ty đã có kinh nghiệm 10 năm trong ngành nhựa với sản phẩm gia dụng và bao bì, trải qua nhiều thử thách, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng tài chính và dịch bệnh; Kênh phân phối trực tiếp của Công ty có đội ngũ bán hàng tốt, bên cạnh việc bán hàng còn có nhiệm vụ tìm hiểu sự hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty cả về chất lượng và giá cả, từ đó giúp Công ty nghiên cứu cải tiến, đổi mới sản phẩm và đưa ra được các chính sách giá bán hợp lý đối với từng loại sản phẩm.
- Nhựa Việt Thành là thương hiệu uy tín trong ngành, đã và đang dần chiếm được lòng tin của người tiêu dùng nhờ chất lượng và giá cả của sản phẩm, dịch vụ. Sản phẩm và dịch vụ của Công ty ngày càng đa dạng, đáp ứng được nhiều nhu cầu từ khách hàng. Công ty luôn cố gắng nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường, tiếp thu nhanh những đổi mới trong công nghệ, nguyên vật liệu sản xuất ngành nhựa. Chính sách bán hàng thay đổi linh hoạt, tiếp cận và hợp tác với nhiều thành phần trong xã hội để phát triển vươn lên.

❖ **Khó khăn**

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2020 tương đối ổn định với tăng trưởng GDP đứng hàng đầu trên thế giới, lạm phát được kiểm soát. Chính phủ tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên sang năm 2021, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu của Công ty. Chủ trương giãn cách xã hội của Chính phủ để đẩy lùi bệnh dịch đã làm các hoạt động kinh tế suy giảm, thay đổi hành vi tiêu dùng theo hướng giảm tiêu dùng, tăng tiết kiệm. Các doanh nghiệp bị động trong



quá trình sản xuất kinh doanh, nhân lực lao động bị thiếu hụt, phương án sản xuất 3 tại chỗ đẩy chi phí quản lý doanh nghiệp lên cao. Việc vận chuyển hàng hóa tiêu thụ giữa các vùng bị ảnh hưởng dẫn đến việc phải tính toán lại quy mô sản xuất kinh doanh;

- Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là với những Công ty có tiềm lực tài chính vững mạnh và có nhiều kinh nghiệm hơn Nhựa Việt Thành; Hiện tượng hàng giả, hàng nhái xuất hiện nhiều trên thị trường với chất lượng thấp, giá thành rẻ, mẫu mã bắt mắt phần nào đó ảnh hưởng đến uy tín và doanh thu của Công ty;
- Sản phẩm nhựa gia dụng cạnh tranh ngày càng nhiều, lợi nhuận có xu hướng giảm, do đó Công ty định hướng phải chuyển dần qua lĩnh vực bao bì, sản phẩm chiến lược phục vụ ngành công nghiệp khác;
- Thiếu hụt lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao;
- Tài chính: Do sản phẩm của Công ty chủ yếu là hàng ngành tiêu dùng, đòi hỏi sản phẩm đa dạng, sản lượng tồn kho lớn, yêu cầu về mặt bằng sản xuất, lưu kho lớn nên cần phải đầu tư mở rộng thường xuyên. Tuy nhiên năng lực tài chính của Công ty còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu về vốn sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Công ty phải sử dụng nhiều vốn vay Ngân hàng và tận dụng các chính sách trả chậm của nhà cung cấp, điều này tiềm ẩn rủi ro lãi suất và mức độ thân thiết với nhà cung cấp;
- Giá thành sản xuất còn cao: Nguyên vật liệu chính tồn trữ để sản xuất còn hạn chế về số lượng, chủng loại do mặt bằng kho chưa đủ lớn, tài chính có hạn, giá vốn thường chiếm 87-89% trong giá bán. Giá cả nguyên vật liệu đầu vào thường xuyên biến động do chủ yếu hạt nhựa đang được nhập khẩu từ nước ngoài;
- Nguồn lực máy móc: Máy móc thiết bị dây chuyền chưa tự động hóa, không phát huy được tối đa công suất thiết kế, dẫn đến việc sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đầu tư thêm trang thiết bị máy móc tự động, giúp giảm thiểu các giai đoạn thủ công nhằm nâng cao công suất, tối ưu hóa hoạt động của dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng, hình thức mẫu mã sản phẩm, giảm thiểu sản phẩm lỗi, hỏng.
- Mặt bằng: Diện tích mặt bằng còn hạn chế (nhà máy và kho NVL rộng 8.000 m<sup>2</sup>, kho chính rộng 5.000 m<sup>2</sup>), vị trí địa lý giữa kho thành phẩm và nhà máy cách nhau gần 50km nên tốn chi phí vận chuyển bốc xếp qua lại.
- Khuôn mẫu: Khuôn mẫu là thiết bị để định hình sản phẩm. Do đặc thù hàng hóa tiêu dùng thay đổi theo thị hiếu của khách hàng nên khuôn mẫu thường phải đa dạng và thay đổi liên tục. Tuy nhiên Công ty chỉ có thể đầu tư thiết bị khuôn mẫu bằng nguồn vốn chủ sở hữu, không được ngân hàng cho vay vốn, do đó Công ty đã lập xưởng sản xuất



khoảng 300m2 trong khuôn viên nhà máy sản xuất chính ở Long An để tự nghiên cứu sản xuất khuôn mẫu.

- Xe vận chuyển: Hiện tại, hệ thống Logistic Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đáp ứng đủ 100% nhu cầu vận chuyển của Công ty. Do đó, có thời điểm Công ty phải thuê ngoài việc vận chuyển hàng hóa (Chi phí thuê ngoài bình quân khoảng 1 tỷ đồng/năm).

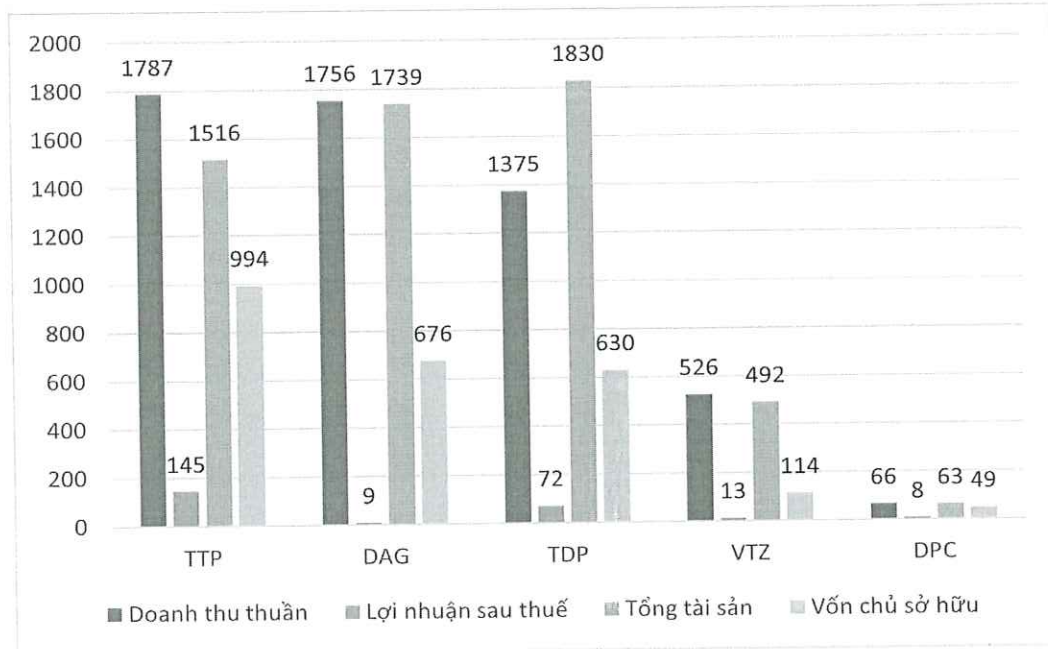
7. Vị thế của Công ty trong ngành

a) Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

Nhựa Việt Thành được thành lập từ năm 2011 với hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa gia dụng. Với sự kết hợp giữa dây chuyền máy móc đến từ Nhật Bản, Đài Loan, ... với trí tuệ Việt, các sản phẩm của Nhựa Việt Thành đều có chất lượng cao, mẫu mã đa dạng, màu sắc tươi mới đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Đồng thời với việc sử dụng nguồn nguyên liệu 100% chính phẩm được nhập từ các quốc gia trên thế giới đã tạo nên sản phẩm Nhựa Việt Thành chất lượng vượt trội.

Các sản phẩm của Nhựa Việt Thành luôn được khách hàng ưa chuộng trên thị trường, luôn đáp ứng được các tiêu chuẩn và yêu cầu của tất cả các khách hàng trong và ngoài nước. Hàng năm, Công ty luôn nằm trong danh sách được bầu chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn. Đồng thời, Nhựa Việt Thành cũng lọt Top 50 Nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2018.

Biểu đồ 4: Tình hình tài chính của một số doanh nghiệp sản xuất nhựa năm 2020



Nguồn: Tổng hợp

*Kuyex*

710  
NG T  
N S  
NG MA  
TH  
A-T





Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành là doanh nghiệp có quy mô hoạt động trung bình ở trong Ngành nhựa. Tỷ lệ doanh thu thuần trên tổng tài sản của Công ty năm 2020 là 1,22, gần xấp xỉ các doanh nghiệp lớn cùng ngành như Nhựa Bình Minh (BMP) là 1,6; Nhựa Tân Tiến (TTP) là 1,24, thậm chí còn vượt một số doanh nghiệp như Nhựa Tiên Phong là 1,06, Nhựa Đông Á (DAG) là 1,05, Nhựa Thuận Đức (TDP) là 0,8, Nhựa Đà Nẵng (DPC) là 0,94. Về tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu, năm 2020 Công ty có tỷ lệ là 14,81%, thấp hơn Nhựa Tân Tiến (TTP) là 15,4%, Nhựa Đà Nẵng (DPC) là 17,9%, cao hơn so với Nhựa Thuận Đức (TDP) là 12,2%, Nhựa Đông Á (DAG) là 1,4%.

So với các đối thủ cạnh tranh trong ngành, Công ty có nhiều lợi thế cạnh tranh như: chính sách bán hàng ổn định về giá bán, chất lượng ngày càng được cải tiến do được chú trọng về công nghệ sản xuất, kênh phân phối rộng khắp cả nước. Đối tượng khách hàng đa dạng bao gồm người tiêu dùng gia đình và nhà máy, công ty, cơ sở... giúp Công ty hạn chế được rủi ro khi không chỉ phụ thuộc vào một thị trường khách hàng nhỏ. Mức độ cạnh tranh trong ngành khá gay gắt, tuy nhiên Nhựa Việt Thành vẫn giữ được vị trí của mình với doanh thu hoạt động tăng trưởng tích cực và được người tiêu dùng đánh giá cao. Trong thời gian tới, Nhựa Việt Thành đặt mục tiêu phát triển hơn nữa thương hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do người tiêu dùng bình chọn, vươn đến tầm cao Đông Nam Á. Cụ thể, trong vòng 02 năm nữa, Công ty sẽ tiếp cận thị trường quốc tế, đặc biệt thị trường Mỹ và Campuchia được đánh giá là thị trường tiềm năng.

#### **b) Triển vọng phát triển ngành**

Ngành nhựa là một ngành có tính thiết thực gắn liền với nhu cầu đời sống. Sản phẩm ngành nhựa với các đặc tính bền, nhẹ, chịu lực, phù hợp với nhiều điều kiện môi trường và khí hậu khác nhau, giá thành sản phẩm hợp lý nên luôn được ưu tiên lựa chọn sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: Nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng...

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, năm 2020 ngành nhựa Việt Nam vẫn duy trì được sản xuất, kinh doanh tăng trưởng. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu nhựa đạt mức tăng trưởng đáng kể, khoảng 6,3% so với năm 2019. Dự báo quy mô thị trường nhựa toàn cầu sẽ tăng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CARG) là 3,2% từ năm 2020 đến năm 2027. Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng hàng năm của ngành nhựa từ 16% - 18% / năm (chỉ sau viễn thông và dệt may), có loại sản phẩm nhựa tăng trưởng gần 100%. Với tốc độ phát triển nhanh chóng, ngành nhựa được đánh giá là ngành năng động trong nền kinh tế Việt Nam. Sự tăng trưởng mạnh mẽ đó đến từ thị trường rộng lớn, còn nhiều tiềm năng phát triển, do ngành Nhựa Việt Nam mới ở bước đầu phát triển so với thế giới và sản phẩm nhựa được đẩy mạnh sử dụng trong đời sống hàng ngày. Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), hiện nay, ngành nhựa có gần 4.000 doanh nghiệp, trong đó phần lớn là doanh nghiệp tư nhân (chiếm 99,8% tổng số doanh nghiệp tham gia vào ngành nhựa Việt Nam).

930-  
Y  
XUẤT  
NH  
NH  
LONG

10  
CÓN  
CỔ  
HỮN  
AGP  
ĐÌNH



Triển vọng của ngành nhựa gia dụng vẫn duy trì tích cực do:

- Dân số tăng dẫn đến nhu cầu tiêu thụ hàng gia dụng lớn (số dân trong độ tuổi lao động chiếm 50%);
- Thu nhập bình quân đầu người tăng, khoảng 6,1 triệu hộ sẽ ra khỏi diện nghèo và nằm trong nhóm có thu nhập 5.000 – 10.000 USD/năm (theo BMI Research);
- Tỷ lệ người tiêu dùng sử dụng hàng Việt Nam ngày càng tăng. Theo thống kê, trong hệ thống siêu thị của Việt Nam có đến 85 – 95% là các thương hiệu Việt.

Tuy nhiên, công nghệ thấp dẫn đến sản phẩm không đồng đều về mặt chất lượng, bên cạnh đó tiềm lực tài chính còn hạn chế nên các doanh nghiệp nhựa gia dụng hiện đang đối mặt với sức ép cạnh tranh từ đối thủ ngoại. Các sản phẩm cao cấp của doanh nghiệp ngoại với chất lượng tốt sẽ có biên lợi nhuận tốt hơn so với các sản phẩm Việt Nam chất lượng trung bình. Do đó, cần có chiến lược phù hợp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm bằng cách cải tiến công nghệ sản xuất, ngoài ra, năng lực quảng cáo cũng như dịch vụ phải được nâng cao, chỉ như vậy thì sản phẩm nội địa mới có thể cạnh tranh tốt với các sản phẩm ngoại.

**c) *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, xu thế chung trên thế giới***

Xu hướng chung của thế giới là các sản phẩm nhựa tái chế thân thiện với môi trường và nhựa tự hủy. Mục tiêu tổng quát của Công ty là phát triển sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao. Cụ thể năm 2020, tỷ lệ nguyên vật liệu nhựa tái chế (gồm nhựa PP, nhựa PS, nhựa LD, nhựa PET) tiêu thụ trên tổng lượng tiêu thụ nguyên vật liệu của Công ty xấp xỉ 67%. Trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch tiếp tục nâng cao tỷ trọng tiêu thụ nguyên vật liệu nhựa tái chế giảm tỷ trọng tiêu thụ nguyên vật liệu nhựa không thể tái chế.

Hơn thế nữa, Chính phủ Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thuế quan và các hiệp định thương mại tự do (FTA) tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước xuất khẩu và cũng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp như Nhựa Việt Thành có thể nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài với mức thuế quan thấp nhất có thể. Công ty phấn đấu trong những năm tiếp theo có thể trở thành công ty hàng đầu của Đông Nam Á về lĩnh vực này, được các đối tác quốc tế tin tưởng và hợp tác lâu dài.

Có thể nói, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành nhựa và xu thế chung trên thế giới.



VIỆT THÀNH PLASTIC

**8. Chính sách đối với người lao động****8.1 Số lượng lao động Công ty**

Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2021 và bình quân năm 2019, 2020 như sau:

**Bảng 15: Tình hình lao động của Công ty**

Stt	Chi tiêu phân loại	Năm 2019		Năm 2020		30/06/2021	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trên đại học	-	0%	-	0%	-	0%
2	Đại học	16	5,3%	23	6,9%	34	8,6%
3	Cao đẳng, trung cấp	15	5%	23	6,9%	40	10,2%
4	Thợ bậc cao và công nhân	184	62%	192	57,7%	214	54,5%
5	Lao động khác	82	27,7%	95	28,5%	105	26,7%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>297</b>	<b>100%</b>	<b>333</b>	<b>100%</b>	<b>393</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Nhựa Việt Thành

**8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp...**❖ **Công tác đào tạo:**

- Xác định chất lượng nhân sự là yếu tố sống còn của doanh nghiệp, do vậy công tác đào tạo được Công ty đặc biệt chú trọng. Công ty đã tổ chức nhiều lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ, kỹ sư hiện trường, đào tạo thường xuyên cho lực lượng quản lý an toàn và vận hành thiết bị, tổ chức đánh giá chất lượng nhân sự trong toàn hệ thống.
- Chính sách đào tạo và tuyển dụng của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài, đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp.
- Đối với CBCNV hiện có, Công ty chú trọng đào tạo tại chỗ kết hợp gửi đi đào tạo các lớp cấp tốc, ưu tiên lĩnh vực tài chính và thị trường. Đối với CBCNV tuyển dụng mới, khối gián tiếp tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao cho lĩnh vực nghiên cứu phát triển; khối trực tiếp chú trọng tuyển công nhân kỹ thuật có hiểu biết về cơ khí đã qua đào tạo và tiến hành đào tạo nội bộ.
- Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để các lao động có thể nắm bắt cách vận hành và điều khiển các loại máy móc phục vụ cho công việc.

3107  
CỘNG HÒA  
PHẦN THƯỜNG  
VIỆT  
HÒA



❖ **Chính sách tiền lương**

- Mức lương bình quân: Mức lương bình quân đều tăng dần qua các năm, mức lương tối thiểu sẽ được thay đổi theo sự thay đổi của Nhà nước hoặc/và tình hình phát triển kinh doanh thực tế.
- Điều chỉnh, tăng lương: định kỳ hằng năm, Công ty sẽ đánh giá năng lực Cán bộ nhân viên dựa vào bảng kế hoạch công việc cá nhân đã thiết lập đầu năm và/hoặc có điều chỉnh (nếu có) trong năm được quản lý phê duyệt. Đây là cơ sở để Công ty xem xét điều chỉnh và tăng lương, tạo thêm động lực cho từng nhân viên.
- Chính sách thưởng: thưởng theo kết quả đánh giá công việc và đánh giá cá nhân. Vào dịp cuối năm, Công ty sẽ bắt đầu tiến hành đánh giá kết quả làm việc của toàn bộ nhân viên để làm căn cứ xét thưởng thành tích. Mức thưởng sẽ dựa theo quy chế thưởng hàng năm được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Thưởng do đóng góp sáng kiến: để khuyến khích nhân viên luôn có sự sáng tạo và đầu tư trong công việc, Công ty luôn có những chính sách khen thưởng cho những nhân viên có đóng góp sáng tạo, cải tiến kỹ thuật mang lại hiệu quả công việc hoặc lợi ích cho Công ty.

❖ **Chính sách phúc lợi**

Chính sách phúc lợi được xây dựng rất chi tiết và thường xuyên được Ban lãnh đạo Công ty nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho nhân viên; qua đó góp phần tạo động lực, khích lệ nhân viên đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Công ty. Một số chính sách phúc lợi của Công ty như:

- Chính sách chăm sóc sức khỏe: Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước như BHXH, BHYT, BHTN, Công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả nhân viên. Mỗi năm 01 lần, Công ty sẽ tiến hành tổ chức khám sức khỏe cho toàn thể nhân viên Công ty.
- Phong trào du lịch, nghỉ dưỡng: Hàng năm, Công ty sẽ tổ chức các hoạt động phong trào cho nhân viên, tạo điều kiện để tất cả nhân viên dù ở đơn vị nào trong Công ty cũng có cơ hội rèn luyện thể chất, tinh thần để làm việc tốt hơn và có cơ hội gặp gỡ, trao đổi và tạo mối quan hệ. Ngoài ra, tùy thuộc vào mục tiêu và kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ hỗ trợ cho các hoạt động Teambuilding và tài trợ du lịch thường niên cho nhân viên và gia đình nhân viên ở vị trí giám sát trở lên và có thời gian làm việc từ đủ 1 năm.
- Trợ cấp những dịp đặc biệt trong năm: vào các dịp lễ tết, nhân viên Công ty sẽ được nhận trợ cấp tiền thưởng. Bên cạnh đó, Công ty còn có những khoản trợ cấp khác cho nhân viên như trợ cấp thăm hỏi khi ốm đau, gia đình có tang, phụ cấp xăng xe... Đặc



biệt, với mục tiêu xây dựng được đội ngũ Ban Lãnh đạo vững mạnh về chuyên môn và quản lý, đồng thời thu hút cán bộ lãnh đạo có trình độ cao, Công ty đang tập trung thiết kế các gói chính sách đãi ngộ về đào tạo, lương, thưởng và phúc lợi khác hấp dẫn dành cho những đối tượng này để duy trì và phát triển nhân tài.

❖ **Chính sách bảo hộ lao động**

Mọi CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp. CBCNV Công ty được tham gia đủ 03 loại bảo hiểm gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được xem xét hỗ trợ các chính sách, bồi thường độc hại trong các chế độ phụ cấp ngoài lương. Tòa nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

❖ **Mức lương bình quân**

**Bảng 16: Mức lương bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	10	11,5	12

Nguồn: Nhựa Việt Thành

**9. Chính sách cổ tức**

- Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.
- Tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông: Từ năm 2018-2020, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức. Toàn bộ lợi nhuận sau thuế của Công ty được sử dụng để nâng cao năng lực sản xuất và mở rộng quy mô. Sau khi thực hiện niêm yết, Ban lãnh đạo Công ty sẽ cố gắng cân đối hài hòa sự phát triển công ty và lợi ích của các Cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức.





## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### ✦ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao các nhóm tài sản cụ thể như sau:

**Bảng 17: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình và TSCĐ thuê tài chính**

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
2	Máy móc thiết bị	04 - 05
3	Phương tiện vận tải	03 - 06
4	Quyền sử dụng đất (có thời hạn)	39 - 40

*Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty năm 2020 của Nhựa Việt Thành*

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

#### ✦ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ đầy đủ và đúng hạn. Hiện tại, Công ty không có khoản nợ quá hạn.

#### ✦ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước. Tính đến nay, Công ty đã thanh toán đủ các khoản thuế đến hạn.

**Bảng 18: Số dư các khoản thuế phải nộp của Công ty**

*Đvt: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(300)	2.937	8.009
3	Thuế thu nhập cá nhân	98	81	-
4	Các loại thuế khác	-	-	-
<b>Tổng</b>		<b>-202</b>	<b>3.018</b>	<b>8.009</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty năm 2020, BCTC tự lập 9 tháng đầu năm 2021 của Nhựa Việt Thành*

**✦ Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Trong các năm trước, toàn bộ lợi nhuận sau thuế của Công ty được sử dụng để đầu tư, sản xuất kinh doanh nên Công ty không trích lập quỹ.

**✦ Tổng dư nợ vay****Bảng 19: Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm**

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	216.285	254.303	382.663
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	36.541	38.602	47.187
	<b>Tổng</b>	<b>252.826</b>	<b>292.905</b>	<b>429.850</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty năm 2020, BCTC tự lập 9 tháng đầu năm 2021 của Nhựa Việt Thành

**Bảng 20: Chi tiết các khoản vay tại thời điểm 30/09/2021**

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	30/09/2021	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>382.663</b>	
1.1	Vay Ngân hàng ngắn hạn	381.565	
1.1.1	Ngân hàng TMCP An Bình	7.872	- Khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 6 tháng - 12 tháng nhằm mục đích chủ yếu là bổ sung vốn lưu động. - Lãi suất theo từng lần nhận nợ từ 5,7% đến 7%/năm - Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty và tài sản của bên thứ 3 (Chủ yếu của Ban lãnh đạo Công ty). Ngoại trừ khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Tiên Phong là khoản vay tín chấp.
1.1.2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.800	
1.1.3	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	148.835	
1.1.4	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	38.050	
1.1.5	Ngân hàng TMCP Quân Đội	60.008	
1.1.6	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.000	
1.1.7	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	120.000	
1.2	Nợ dài hạn đến hạn trả	1.098	- Khoản nợ thuê tài chính dài hạn và vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả.



Stt	Khoản mục	30/09/2021	Ghi chú
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	47.187	
2.1	Nợ thuê tài chính dài hạn	26.277	- Nợ thuê tài chính dài hạn của Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chailease và Công ty BIDV - Sumi Trust để mua máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty. - Thời hạn: từ 36 tháng – 48 tháng - Lãi suất nợ thuê tài chính dài hạn từ 8,3% đến 9,3%/năm.
2.2	Vay ngân hàng dài hạn	20.910	
2.2.1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.562	- Thời hạn vay: 4 năm - Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị. - Lãi suất: Thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm của khách hàng cá nhân 24 tháng +4-5,4%/năm - Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
2.2.2	Ngân hàng TMCP An Bình	636	- Thời hạn vay: 5 năm - Mục đích vay: Vay mua xe - Lãi suất: 9 - 11,5%/năm theo từng lần nhận nợ - Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
2.2.3	Ngân hàng TMCP Quân đội	18.711	- Thời hạn vay: 163 tháng - Mục đích: Tài trợ khoản vay tại Ngân hàng TMCP An Bình để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà xưởng, văn phòng tại thửa đất ở xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An - Lãi suất: thả nổi từ 9-11,5%/năm - Khoản vay được đảm bảo bằng Bất động sản nơi đặt nhà xưởng của Công ty tại Long An và tài sản nhà xưởng trên đất.
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>429.850</b>	

Số dư nợ vay của Công ty cao là do Công ty mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường, tuy nhiên năng lực tài chính của Công ty còn hạn chế nên phải tăng cường vay nợ.



Đặc biệt trong 9 tháng đầu năm 2021, số dư nợ vay tăng nhiều so với các năm trước do Công ty nhận định sau dịch Covid-19 giá cả nguyên vật liệu (xăng dầu, hạt nhựa...) sẽ tăng, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty tăng cường tích trữ hàng tồn kho, giảm thiểu rủi ro về giá cả thị trường. Ngoài ra, hậu dịch Covid-19, Công ty dự báo nhu cầu thị trường đối với sản phẩm phụ trợ công nghiệp như pallet sẽ tăng do chính sách thu hút đầu tư của Chính phủ và dịch chuyển đầu tư nước ngoài sang Việt Nam. Vì vậy, Công ty tăng cường vay nợ để đầu tư máy móc, thiết bị và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

#### ✦ Tình hình công nợ hiện nay

##### ❖ Các khoản phải thu

**Bảng 21: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty**

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
<b>I</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>80.534</b>	<b>89.899</b>	<b>153.678</b>
1	Phải thu của khách hàng	63.167	86.085	139.965
2	Trả trước cho người bán	14.092	551	13.713
3	Các khoản phải thu khác	3.275	3.263	-
<b>II</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>5.695</b>	<b>8.574</b>	<b>9.327</b>
1	Phải thu dài hạn khác	5.695	8.574	9.327
	<b>Tổng cộng</b>	<b>86.229</b>	<b>98.473</b>	<b>163.005</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty năm 2020, BCTC tự lập 9 tháng đầu năm 2021 của Nhựa Việt Thành

Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn (hơn 70-80%) trong các khoản phải thu của Công ty. Tại thời điểm 30/09/2021, các khoản phải thu khách hàng tăng mạnh (62,6%) so với thời điểm 31/12/2020. Nguyên nhân của sự biến động này do các khoản phải thu khách hàng là các đại lý chiếm tỷ trọng lớn trên tổng các khoản phải thu của Công ty. Vào thời điểm cuối năm, các đại lý bán hàng thường sẽ đẩy mạnh thanh toán để hưởng các chính sách bán hàng ưu đãi. Ngoài ra, do dịch Covid-19 kéo dài nên Công ty cũng điều chỉnh một số chính sách liên quan đến công nợ nhằm hỗ trợ các Đại lý phân phối trong thời gian diễn ra bệnh dịch. Điều này được đánh giá là cần thiết để Công ty có thể giữ chân được khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động kênh phân phối.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ Công ty giao. Tính đến 30/09/2021, các khoản tạm ứng này đã được thanh toán hết.



Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ thuê tài chính, thuế giá trị gia tăng tài sản thuê tài chính, và khoản ký quỹ ký cược dài hạn thuê kho.

⚡ Các khoản nợ phải trả

**Bảng 22: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty**

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>269.203</b>	<b>336.240</b>	<b>469.788</b>
1	Phải trả người bán	49.326	73.197	72.289
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	643	296	722
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	98	3.018	8.009
4	Phải trả người lao động	1.859	2.702	3.236
5	Các khoản phải trả khác (*)	993	2.724	2.867
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	216.285	254.303	382.663
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>39.304</b>	<b>41.730</b>	<b>49.662</b>
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn (**)	2.763	3.128	2.474
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	36.541	38.602	47.187
	<b>Tổng cộng</b>	<b>308.507</b>	<b>377.970</b>	<b>519.450</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty năm 2020, BCTC tự lập 9 tháng đầu năm 2021 của Nhựa Việt Thành

(\*) Khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội. Khoản này tăng nhiều vào cuối năm 2020 và tại 30/09/2021 do Luật Bảo hiểm xã hội có hiệu lực từ tháng 07/2020, theo đó thay đổi quy định về tỷ lệ trích bảo hiểm xã hội và cách tính bảo hiểm xã hội khiến cho số phải nộp bảo hiểm xã hội tăng. Ngoài ra, do từ ngày 29/07/2020 Công ty chuyển trụ sở từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống tỉnh Long An, dẫn tới Công ty phải quyết toán bảo hiểm xã hội để chuyển cơ quan quản lý bảo hiểm từ Bảo hiểm xã hội Huyện Bình Chánh – Thành phố Hồ Chí Minh sang Bảo hiểm xã hội Huyện Đức Hòa - tỉnh Long An. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc quyết toán với Bảo hiểm huyện Bình Chánh chưa hoàn thành. Sau thời gian giãn cách xã hội của thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ quyết toán và hoàn thành các nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

(\*\*) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản chênh lệch dương giữa giá bán và giá trị còn



lại của tài sản cố định trong hoạt động bán và thuê lại tài sản thuê tài chính. Khoản mục doanh thu chưa thực hiện này liên quan đến nhiều tài sản bán và thuê tài chính, được phân bổ đều theo thời gian khấu hao của tài sản thuê tài chính trong khoảng từ 5 năm đến 6 năm.

## 10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2019 - 2020**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	1,07
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,33	0,3
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,83	0,77
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,92	3,29
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,5	2,05
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,45	1,22
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	1,13%	2,50%
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,64%	3,04%
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,6%	14,81%
	- Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh /DT thuần	%	1,13%	3,16%
	- Thu nhập trên Cổ phần (EPS)	Đồng/Cp	1.055	1.890

*Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 của Nhựa Việt Thành*

## 11. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

### 11.1 Thành viên Hội đồng quản trị

Tại thời điểm hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2.	Phan Văn Quân	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3.	Phan Hùng Cường	Thành viên Hội đồng quản trị
4.	Nguyễn Tiến Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
5.	Hoàng Đỗ Nguyên Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập



➤ Ông Nguyễn Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 14/04/1973
- CCCD : 082073000450
- Ngày cấp : 28/02/2020 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 47/11 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Q. Gò Vấp , TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : 47/11 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Q. Gò Vấp , TP. HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 - 2007	Công ty cổ phần Đại Đồng Tiến	Giám đốc Kỹ thuật nhà máy
2007 - 2008	Công Ty TNHH SX & TM Dây cáp điện DAPHACO	Phó Giám đốc Sản xuất
2008 - 2011	Công ty CP EUROVINA	Giám đốc nhà máy
03/2011 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 5.100.900 cổ phần, chiếm 25,5% vốn điều lệ
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Thành viên HĐQT trong hai năm 2019, 2020 là 1.680.000.000 đồng
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có



➤ **Ông Phan Văn Quân – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/05/1979
- CMND : 025123890
- Ngày cấp : 23/05/2009                      Nơi cấp: CA TP HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 50/20/21/22 Nguyễn Quý Yên, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : 1G đường số 1, Khu phố 22, P. Bình Hưng Hòa A, Q. Bình Tân, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001-2005	Công ty TNHH Sản xuất cân Nhơn Hòa	Kế toán viên
2005-2007	Công ty cổ phần nhựa Đại Đồng Tiến	Trưởng ban Kế toán tài chính nhà máy sản xuất
2007-2009	Siêu thị nhà tôi Home Mart	Kế toán trưởng
2009-2010	Công ty TNHH Nhựa Long Thành	Giám đốc Tài chính
3/2011-nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 3.700.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18,5% vốn điều lệ
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - ✓ Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Thành viên HĐQT, lương Tổng giám đốc trong hai năm 2019, 2020 là 1.200.000.000 đồng





- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Ông Phan Hùng Cường – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/03/1971
- CMND : 025880354
- Ngày cấp : 10/05/2014 Nơi cấp: CA TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : B14/4/12 Ấp 2C, Vĩnh Lộc B, Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : B14/4/12 Ấp 2C, Vĩnh Lộc B, Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997 - 2014	Công ty Nhựa Đại Đồng Tiến	Quản Đốc Xưởng LR
2015 -2016	Công ty Nhựa Vỹ Hưng	Tổng Quản Lý Sản xuất
2016 – 06/2018	Công ty TNHH TM DV Nhựa + Inox Qui Phúc	Tổng Quản lý Sản xuất
07/2018 - Nay	CTCP SX&TM Nhựa Việt Thành	Thành viên HĐQT, Giám đốc sản xuất

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT, Giám đốc sản xuất
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Thành viên HĐQT, lương Giám đốc

109  
NG TY  
N SẢN X  
IG MẠI N  
THÀNH  
-T.L.C

1  
G  
PH  
G  
RIE  
H



sản xuất trong hai năm 2019, 2020 là 684.000.000 đồng

- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

➤ Ông Nguyễn Tiến Tùng – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 09/10/1973
- CMND : 024729749
- Ngày cấp : 06/04/2007 Nơi cấp: CA TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 254/12N Lê Văn Thọ, P. 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : 254/12N Lê Văn Thọ, P. 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997 - 1998	Công ty Miwon	Kế toán trưởng
1999 - 2003	BIDV HCM	Phó phòng kế toán
2003 - 2010	BIDV CN Tây Sài Gòn	Trưởng phòng kế toán tài chính
2010 - 2013	BIDV CN Tây Sài Gòn	Giám đốc PGD Quận 11
2014 – 2017	BIDV CN Tây Nam	Phó Giám đốc
2017 - nay	Trung tâm xử lý nợ BIDV	Phó Giám đốc
4/2021 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ BIDV
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ



- ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

➤ Ông Hoàng Đỗ Nguyên Thắng – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28/06/1969
- CMND : 022072828
- Ngày cấp : 14/03/2013 Nơi cấp: CA TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 500/76 Phạm Văn Hai, P.3, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : 468/3 Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1992 - 1994	Công ty Điện lực TP.HCM	Kỹ sư điện
1994 - 1999	Văn phòng đại diện Kodak tại Việt Nam	Kỹ sư bán hàng
2000 - 2011	Công ty TNHH Exxonmobil Việt Nam	Trưởng phòng Kinh doanh
2011 - nay	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ Thuật Hoàng Anh Việt	Phó Giám đốc
4/2021 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Anh Việt.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ

T.C.P



T.C.P



- ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

#### 11.2 Ban Kiểm soát

Tại thời điểm hiện nay, Ban Kiểm soát Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Trọng Huy	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Phan Thị Thanh Lý	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Phạm Đức Cường	Thành viên Ban kiểm soát

#### ➤ Ông Nguyễn Trọng Huy – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 14/07/1979
- CCCD : 074079000201
- Ngày cấp : 09/02/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 1169 Lê Chí Dân, Xã Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc: 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : Số 1169 Lê Chí Dân, Xã Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế - Kiểm toán viên
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2001 - 3/2003	Công ty TNHH Tư Vấn và Kiểm Toán Gia Cát	Trợ lý kiểm toán
5/2003 - 11/2004	Công ty Cổ Phần Kem Kido	Kế toán viên
12/2004 - 8/2010	Cục Thuế tỉnh Bình Dương	Chuyên viên

031  
C  
CỔ PH  
À THU  
VIỆ  
CH



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2010 - 3/2016	Công ty TNHH Kiểm Toán Win Win	Phó Giám đốc
4/2016- nay	Công ty TNHH Dịch vụ kế toán và Tư vấn thuế Win Win	Giám đốc
4/2021 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	Trưởng ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ kế toán và Tư vấn thuế Win Win.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

➤ **Phan Thị Thanh Lý – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 01/10/1989
- CMND : 205408120  
Ngày cấp : 06/02/2010 Nơi cấp: CA Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Hà Lạc, Quảng Lợi, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
- Số điện thoại liên lạc: 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : Ấp 4, Lê Thị Dung, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2010-06/2016	Công ty TNHH TM Xuất Nhập Khẩu Rượu Ngọc Lam	Kế toán viên
07/2016-nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Thành viên Ban kiểm soát trong hai năm 2019, 2020 là 564.000.000 đồng
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

➤ **Ông Phạm Đức Cường – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18/08/1981
- CMND : 230627102
- Ngày cấp : 30/03/2016 Nơi cấp: CA Gia Lai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 08, Phường Đồng Đa, TP. Pleiku, Gia Lai
- Số điện thoại liên lạc : 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : B2.20.03 KDC The Park Residence Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, Nhà Bè, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2006 –7/2007	Công ty Công Nghệ Di Động FPT	Chuyên viên kinh doanh



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2007 - 10/2009	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - VPBank	Trưởng phòng tín dụng
10/2009 - 11/2010	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - VIB	Trưởng phòng quan hệ khách hàng
11/2010 - 7/2020	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - VPBank	Giám đốc Trung tâm kinh doanh KHDN kiêm phó Giám đốc Chi nhánh
7/2020 - 3/2021	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Giám đốc Chi nhánh Tân Bình
03/2021 - nay	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Giám đốc chi nhánh Nhà Bè
4/2021 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc chi nhánh Nhà Bè – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

### 11.3 Ban Tổng Giám đốc

Tại thời điểm hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Phan Văn Quân	Tổng giám đốc
2.	Nguyễn Trung Ngọc	Phó Tổng giám đốc
3.	Hồ Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc

0-C  
JÁT  
H  
NG P

0  
1  
2



## ➤ Ông Phan Văn Quân – Tổng Giám đốc

Thông tin như đã nêu tại Thành viên Hội đồng quản trị

## ➤ Ông Nguyễn Trung Ngọc – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Trung Ngọc
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 09/07/1977
- CMND : 271260211
- Ngày cấp : 25/07/2013 Nơi cấp: CA Đồng Nai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 24 Khu Kim Sơn – Thị Trấn Long Thành – Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc: 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : Tổ 24 Khu Kim Sơn – Thị Trấn Long Thành – Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 - 2003	Công ty CP Đại Đồng Tiến	KTV vận hành
2003 - 2009	Công ty CP Đại Đồng Tiến	Trưởng ca SX
2009 - 2013	Công ty CP Đại Đồng Tiến	Quản đốc Sản xuất
2013 - 2017	Công ty TNHH MTV Đại Đồng Tiến Đồng Nai	Quản đốc Sản xuất
2017 - 2018	Công ty TNHH Tương Lai Long Thành	Quản đốc Sản xuất
2018 – nay	Công ty CP SX và TM nhựa Việt Thành	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương Phó Tổng giám đốc trong hai năm 2019, 2020 là 912.000.000 đồng





- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- **Ông Hồ Văn Quyền – Phó Tổng Giám đốc**
  - Giới tính : Nam
  - Ngày sinh : 22/03/1972
  - CCCD : 089072000112
  - Ngày cấp : 26/06/2017                      Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Dân tộc : Kinh
  - Địa chỉ thường trú : G5/7A Ấp 7, Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP. HCM
  - Số điện thoại liên lạc : 02836 207 540
  - Địa chỉ liên lạc : G5/7A Ấp 7, Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP. HCM
  - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ hóa
  - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2006	Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc	Trưởng ban Giao nhận
2007-2013	Công ty Cổ phần Giám Định Thẩm Định Việt Nam - Viavaco	Trưởng ban thẩm định
2013 - Nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương Phó Tổng giám đốc trong hai năm 2019, 2020 là 564.000.000 đồng
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

*Keypse*





## 11.4 Kế toán trưởng

## ➤ Bà Nguyễn Thị Yến Nga – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 10/01/1987
- CMND : 311914202
- Ngày cấp : 21/11/2014 Nơi cấp: CA Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Ấp Phú Quới Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang
- Số điện thoại liên lạc : 02836 207 540
- Địa chỉ liên lạc : 22/17 Đường 18A, Khu phố 1, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009-2011	Công ty TNHH Nhựa Long Thành	Kế toán viên
2011-2013	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tây Ô tô	Kế toán tổng hợp
2013-nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - ✓ Sở hữu của những người có liên quan: 50.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,25% vốn điều lệ

Stt	Họ và tên	CMND	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Trần Nam Phong	312583761	Chồng	50.000	0,25%

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương Kế toán trưởng trong hai năm 2019, 2020 là 792.000.000 đồng



- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

## 12. Tài sản

Bảng 24: Thông tin về các tài sản của Công ty tại ngày 30/09/2021

Đvt: triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% Tỷ lệ GTCL/NG	Ghi chú
<b>I</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>105.917</b>	<b>63.926</b>	<b>60%</b>	
1	Văn phòng tại TP.Hồ Chí Minh	8.653	7.925	92%	(*)
2	Nhà xưởng sản xuất tại Long An	16.654	15.170	91%	(*)
3	Nhập bộ khuôn thổi theo tờ khai số 101856388760 ngày 07.02.2018	2.893	819	28%	(*)
4	Nhập khẩu Khuôn tử nhựa làm bằng thép theo TK 102244407310	3.189	1.275	40%	(*)
5	Máy ép nhựa JS 450EII	2.160	1.728	80%	(*)
6	Máy ép nhựa CLF 750T	1.875	1.562	83%	(*)
7	Xe tải HINO 5 tấn 7 50LD.031.23-51C86842	916	-	0%	(*)
8	Xe ô tô tải thùng kín 4T9 BS 51C858.31	670	93	14%	(*)
9	Xe ô tô tải hiệu isuzu 51D-42867	707	324	46%	(*)
10	Xe tải 51D-37561	771	546	71%	(*)
11	Khuôn thép NKTK 107909 ngày 05/08/2013	1.062	-	0%	(*)
12	Khuôn mẫu theo HĐ: 01/11/2017-MS-VT ngày 01/11/2017	1.485	396	27%	(*)
13	Máy ép nhựa Toshia IS850GTW	1.800	480	27%	(*)
14	Nhập bộ khuôn nắp theo tờ khai số 101856396500 ngày 07.02.2018	1.089	308	28%	(*)
15	Nhập máy ép nhựa toshiba GT 650 công suất 50 HP	1.040	-	0%	(*)
16	Bộ khuôn tử	1.799	-	0%	
17	Máy ép nhựa HDC-210H	1.070	1.070	100%	(*)
18	Máy ép nhựa HDC-320H	1.402	1.402	100%	(*)

093  
TY  
SẢN XU  
MẠI NI  
HÀN  
F. LO



STT	Tên tài sản	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% Tỷ lệ GTCL/NG	Ghi chú
19	Máy ép nhựa HDC-320H	1.402	1.402	100%	(*)
20	Máy ép nhựa HDC-560H	5.599	5.599	100%	(*)
21	Máy ép nhựa HDC-320H	1.472	1.472	100%	(*)
22	Máy ép nhựa HDC-210H	3.372	3.372	100%	(*)
23	Máy ép nhựa HDC-260H	3.693	3.693	100%	(*)
24	Máy ép nhựa tự động CLF	3.468	3.468	100%	(*)
25	Tài sản cố định hữu hình khác	37.676	11.822	31%	
<b>II</b>	<b>TSCĐ thuê tài chính</b>	<b>65.339</b>	<b>45.485</b>	<b>70%</b>	
1	Máy ép CLF-250TX	1.916	1.117	58%	
2	Máy ép nhựa CLF 950 TX, sản xuất 2012(210HP)	1.700	1.105	65%	
3	Máy ép nhựa CLF 950 TX, sản xuất 2012.	1.800	1.290	72%	
4	Máy ép nhựa tự động CLF600TWII	3.306	2.534	77%	
5	Máy ép nhựa tự động CLF-750TWII	3.842	2.945	77%	
6	Máy ép nhựa CLF 850TX	1.800	1.440	80%	
7	Máy ép nhựa CLF 400TX (2 máy)	1.440	1.152	80%	
8	Máy ép nhựa 500T CLF TAIWAN (2 máy)	1.727	1.410	82%	
9	Máy ép nhựa 208T SUMITOMO (2 máy)	1.273	1.039	82%	
10	Máy phun ép nhựa tự động CLF - 600TWII	3.300	2.805	85%	
11	Máy ép nhựa tự động CLF - 600TWII	3.287	2.903	88%	
12	Máy ép nhựa CLF 600TX MOTOR SERVO	1.091	1.018	93%	
13	Máy ép nhựa CLF 750TWII	2.386	2.227	93%	
14	Máy ép nhựa CLF 1000TX MOTOR SERVO	2.000	1.866	93%	
15	Máy ép nhựa CLF 500TX MOTOR SERVO	1.273	1.209	95%	

C. C. C. C.  
I. A. T. U. A.  
H. G. A. N.

I. N. G. Y.



STT	Tên tài sản	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% Tỷ lệ GTCL/NG	Ghi chú
16	Máy ép nhựa CLF 950TX MOTOR SERVO	2.418	2.297	95%	
17	Xe oto thùng kín 51D-362.84	771	524	68%	
18	Xe ô tải 50LD08511	479	325	68%	
19	Xe Isuzu 1t9 SK R55HH7102264 SM 3D4878 BS 50LD-097.03	409	364	89%	
20	Máy ép nhựa Toshiba IS 850GS	1.530	561	37%	
21	Máy ép nhựa Toshiba - IS 850 GT	1.573	786	50%	
22	Máy ép nhựa CLF 180 TX năm 2010( 4 máy)	1.360	748	55%	
23	Máy ép nhựa 850T Toshiba năm 2010	1.500	825	55%	
24	Máy ép Toshiba 650 GT	1.216	709	58%	
25	Máy ép UBEMAX ST1300	1.241	765	62%	
26	Tài sản thuê tài chính khác	20.701	11.521	56%	
<b>II</b>	<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>32.400</b>	<b>31.225</b>	<b>96%</b>	
1	Quyền sử dụng đất tại Long An (a1)	26.500	25.325	96%	(*)
2	Quyền sử dụng đất tại số 27 đường 59, phường 10, Quận 6, TP. HCM (a2)	5.900	5.900	100%	(**)
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>71.000</b>			
1	Quyền sử dụng đất tại Long An (b1)	71.000			

Nguồn: Nhựa Việt Thành

(\*): Tài sản cố định thế chấp tại các Ngân hàng thương mại làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay.

(a1): Quyền sử dụng đất tại Long An có diện tích 4.050m<sup>2</sup>, loại đất SKC, đất cho thuê trả tiền một lần, thời hạn sử dụng đến tháng 7/2059, đang được sử dụng làm nhà máy của Công ty.

(a2): Quyền sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 160m<sup>2</sup>, loại đất là đất ở đô thị, thời gian sử dụng lâu dài, đang được sử dụng là văn phòng đại diện của Công ty ở Thành phố Hồ Chí Minh.

(b1) Quyền sử dụng đất tại Long An có diện tích 6.000m<sup>2</sup> tại Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, được Công ty đầu tư xây dựng kho bãi phục vụ cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đang trong quá trình làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

### 13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo



## 13.1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh

Dựa vào tình hình hoạt động năm 2020 và định hướng phát triển của Công ty, Nhựa Việt Thành đã đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho năm 2021, 2022 với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

**Bảng 25: Kế hoạch hoạt động kinh doanh trong các năm tiếp theo**

Dvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022 (*)	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với Năm 2020	Kế hoạch	% tăng/giảm so với Năm 2021
Vốn điều lệ	200	0%	300	50%
Doanh thu thuần	805	53,04%	1.050	30,4%
Lợi nhuận sau thuế	67	415,38%	100	49,2%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,32%		9,52%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	33,5%		33,3%	
Cổ tức	10%		15%	

Nguồn: NQ ĐHĐCĐ TN năm 2021 và kế hoạch tăng trưởng của HĐQT Nhựa Việt Thành

(\*) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 sẽ được HĐQT Công ty rà soát và điều chỉnh lại (nếu cần) căn cứ kết quả kinh doanh năm 2021 cũng như dự báo tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam trong năm 2022, và trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua.

## 13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- **Phát triển sản phẩm mới Pallet và thùng rác công nghiệp:**

Việt Nam hiện đang có nhiều lợi thế đón làn sóng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc. Chính phủ đang khuyến khích đầu tư mới và mở rộng khu công nghiệp, chuẩn bị hạ tầng phục vụ cho nhu cầu mở nhà máy của các doanh nghiệp FDI. Ngành nhựa là một trong các ngành phụ trợ không thể thiếu trong các khu công nghiệp. Công ty lựa chọn đầu tư nhựa Pallet bởi vì Pallet là sản phẩm cần thiết của nhiều ngành khác, nhu cầu lớn và có khả năng phát triển mở rộng cao. Ngoài ra, mở rộng khu công nghiệp đồng thời chất thải từ thu công nghiệp, chất thải sinh hoạt ngày càng nhiều, ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái và môi trường sống. Do đó, nhu cầu sử dụng thùng rác để thu gom, phân loại và tái chế là vô cùng lớn.

Theo đó, trong Quý III/2021, Công ty đã chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng nhằm huy động vốn thực hiện giai đoạn 1 dự án “**Dự án phát triển sản phẩm mới Pallet và thùng rác Công nghiệp**”. Đây chuyên mở rộng để thực hiện Dự án được đặt tại nhà máy hiện tại.



Công ty dự định đầu tư thêm kho chứa tại khu vực Long An, chuyển một phần kho thành phẩm hiện đang được để tại nhà máy sang kho mới. Công suất thiết kế của dây chuyền mới là 6.700 tấn/năm. Dự kiến đầu năm 2022, dây chuyền phục vụ Dự án sẽ bắt đầu đi vào hoạt động. Thị trường tiêu thụ chính của sản phẩm mới theo kế hoạch của Công ty là các khu công nghiệp phía Nam. Dự kiến tình hình sản xuất của “Dự án phát triển sản phẩm mới Pallet và thùng rác Công nghiệp” này như sau:

STT	Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
1	Sản lượng	Tấn	5.500	6.000
2	Giá trị	Tỷ đồng	286	312

– **Nâng cao năng lực sản xuất của nhà máy**

Với dự án mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển sản phẩm mới, năng lực sản xuất của nhà máy được tăng lên tương ứng 80% - 85% công suất thiết kế. Cụ thể, dự kiến tình hình sản xuất trong vòng 03 năm tới như sau:

**Bảng 26: Năng lực sản xuất nhà máy**

Đvt: SL: tấn, Giá trị: tỷ đồng

STT	Nhóm sản phẩm	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		SL	Giá trị	SL	Giá trị	SL	Giá trị
1	Nhóm tủ nhựa	1.560	105	1.669	112	2.350	154
2	Nhóm bàn, ghế	4.040	178	3.253	183	4.300	245
3	Nhóm đồ gia dụng	3.015	162	3.281	172	4.550	248
4	Nhóm khay, sọt, sản phẩm công nghiệp phụ trợ	2.980	162	4.155	224	5.390	282
5	Nhóm Hũ ly ca, bao bì	1.200	108	1.300	114	1.600	144
6	Nhóm khác (trong đó có Thùng rác công nghiệp)	1.689	90	4.600	239	5.500	286
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>14.484</b>	<b>805</b>	<b>18.258</b>	<b>1.044</b>	<b>23.690</b>	<b>1.359</b>

Nguồn: Nhựa Việt Thành

– **Tiềm năng tiêu thụ sản phẩm**

+ Tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành nhựa trên thế giới trong vòng 50 năm qua là 9%/năm. Tăng trưởng mạnh nhất là ở châu Á, ghi nhận khoảng 12%-15%/năm, đặc biệt là tại các nước đang phát triển. Tốc độ tăng trưởng ngành nhựa tại Việt Nam trong những năm gần đây lên đến trung bình 18%/năm, theo đó các công ty ngành nhựa



còn nhiều tiềm năng tiêu thụ sản phẩm trong thời gian tới.

+ Ngoài ra, việc dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc và Việt Nam là một trong những điểm đến ưa thích của các công ty nước ngoài giúp cho các ngành phụ trợ, đặc biệt là ngành nhựa có tiềm năng để mở rộng trong tương lai.

***– Giải pháp khai thác thị trường***

Sản phẩm gia dụng của Công ty được tiêu thụ trên cả nước và mới chỉ xuất khẩu một phần sang Cambodia, vì vậy cơ hội để phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ còn nhiều. Ngoài ra, hiện nay sản phẩm của Công ty chủ yếu phục vụ người tiêu dùng, do đó trong thời gian tới Công ty đặt mục tiêu phát triển các nhóm sản phẩm công nghiệp phục vụ khách hàng là nhà máy, công ty, cơ sở kinh doanh...

Để khai thác các tiềm năng của thị trường, Công ty đẩy mạnh các giải pháp sau:

- + Tổ chức tốt công tác theo dõi, nắm bắt thông tin thị trường và tình hình tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu phân tích thị trường để điều hành SXKD theo sát những biến động của thị trường;
- + Tăng cường công tác quan hệ với khách hàng, lựa chọn các khách hàng có năng lực để tránh rủi ro công nợ, tranh chấp giữa các bên.
- + Hoạt động kinh doanh mạng đại lý: Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt và duy trì các dịch vụ đại lý hiện nay; Tăng cường mở rộng quan hệ tìm kiếm các tổ chức uy tín để tham gia làm dịch vụ đại lý và các dịch vụ phụ trợ khác (nếu có).

***– Về hoạt động sản xuất kinh doanh***

- + Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ cho các cán bộ công nhân viên, đặc biệt là những vị trí chủ chốt.
- + Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý chất lượng ISO, đánh giá hiệu quả công việc KPIs để phù hợp với quy mô và mô hình hoạt động của Công ty. Tích cực áp dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả công việc và giảm rủi ro.
- + Tích cực chủ động nghiên cứu các giải pháp nâng cao hơn nữa năng suất lao động, chất lượng các sản phẩm của Công ty, đáp ứng tốt cho nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

***– Về công tác tài chính***

- + Tiếp tục lành mạnh hóa hoạt động tài chính và quản lý chặt chẽ đối với các khoản chi tiêu, giảm thiểu tối đa các khoản chi phí không hợp lý, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Công ty thực hiện tốt và triệt để công tác thu hồi công nợ, tránh phát sinh công nợ khó đòi.
- + Ưu tiên nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt chức năng giám sát tài chính.
- + Năm 2021, Công ty có chủ trương phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng tăng

109  
GTY  
SẢN  
MẠI  
THÀ  
T.L

PH. T. C.  
Y  
D  
D  
K  
H  
N





vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng. Ngày 03/08/2021, Công ty đã phát hành thành cổ phiếu lần đầu ra công chúng thành công theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giúp Công ty chủ động nguồn vốn đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh và tránh phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay. Căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty sẽ xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

**13.3. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2021**

**Bảng 27: Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2021**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Doanh thu thuần	805	752	93,42%
Lợi nhuận sau thuế	67	21	31,34%

Trong 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của Công ty đạt hơn 752 tỷ đồng, đạt 93,42% kế hoạch năm 2021, lợi nhuận sau thuế trên 21 tỷ đồng đạt 31,34% kế hoạch năm 2021. Do diễn biến cực kỳ phức tạp của tình hình bệnh dịch Covid-19, trong 9 tháng đầu năm 2021, đặc biệt là quý III-2021, Công ty phát sinh thêm nhiều khoản chi phí để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh nên mặc dù doanh thu 9 tháng đầu năm 2021 đạt 93,42% kế hoạch nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 31,34% kế hoạch đề ra.

Tuy tình hình dịch bệnh Covid-19 trong 3 tháng cuối năm 2021 tiếp tục diễn biến phức tạp nhưng đã có phần khả quan hơn nhờ sự quyết liệt của Chính phủ. Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản xuất theo phương án 3 tại chỗ, phần đầu doanh thu vượt kế hoạch mục tiêu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra. Theo đánh giá của Ban lãnh đạo, Công ty sẽ hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu năm 2021 và cố gắng đạt 50-70% kế hoạch lợi nhuận sau thuế đề ra.

**14. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sản xuất và thương mại Nhựa Việt Thành. Công ty cổ phần Sản xuất và thương mại Nhựa Việt Thành đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Agriseco và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Nhựa Việt Thành dự kiến trong năm 2021 và 2022 là phù



hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính toán và chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi ra quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Sản xuất và thương mại Nhựa Việt Thành.

**15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có.

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

**PHẦN V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

**2. Mệnh giá**

10.000 đồng/cổ phiếu

**3. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết**

20.000.000 cổ phiếu

**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Theo quy định tại khoản 1.đ điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này



trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ;”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là 8.930.900 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 44,7% vốn điều lệ Công ty.

**Bảng 28: Danh sách cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên	SLCP cam kết nắm giữ trong 6 tháng tiếp theo
1	Nguyễn Văn Tuấn	CT HĐQT	5.100.900	2.550.450
2	Phan Văn Quân	Phó CT HĐQT - Tổng giám đốc	3.700.000	1.850.000
3	Nguyễn Tiến Tùng	TV HĐQT	20.000	10.000
4	Phan Hùng Cường	TV HĐQT	20.000	10.000
5	Hoàng Đỗ Nguyên Thắng	TV HĐQT	20.000	10.000
6	Nguyễn Trung Ngọc	P.Tổng giám đốc	10.000	5.000
7	Hồ Văn Quyền	P.Tổng giám đốc	10.000	5.000
8	Nguyễn Trọng Huy	Trưởng BKS	20.000	10.000
9	Phan Thị Thanh Lý	TV BKS	10.000	5.000
10	Phạm Đức Cường	TV BKS	20.000	10.000
	<b>Tổng</b>		<b>8.930.900</b>	<b>4.465.450</b>

#### 5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu VTZ tại thời điểm 31/12/2020 và 30/09/2021:

Giá trị sổ sách =  $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$  một cổ phần

TT	Khoản mục	Đvt	31/12/2020	30/09/2021
1.	Vốn chủ sở hữu	Đồng	114.786.588.555	240.983.073.349
2.	Số cổ phần phổ thông đã phát hành	Cổ phần	10.000.000	20.000.000
3.	Số cổ phiếu quỹ	Cổ phần	-	-



TT	Khoản mục	Đvt	31/12/2020	30/09/2021
4.	Số cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phần	10.000.000	20.000.000
5.	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	Đồng	11.479	12.049

*Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 9 tháng đầu năm 2021 của Nhựa Việt Thành*

Giá niêm yết của cổ phiếu VTZ được xác định dựa trên các phương pháp sau đây:

- Phương pháp giá trị sổ sách (BV)
- Phương pháp bình quân gia quyền giá thanh toán cổ phiếu trong đợt chào bán ra công chúng gần nhất (tháng 8/2021): 11.083 đồng/cổ phiếu

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Nhựa Việt Thành sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

#### 6. Giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với từng lĩnh vực hoạt động của Công ty được thể hiện cụ thể theo bảng sau:

Stt	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Địa chỉ trích dẫn/giải trình
1	2013 (Chính)	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (trừ tái chế phế thải nhựa, luyện cán cao su tại trụ sở)	100%	- Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật số: 61/2020/QH14 (Phụ lục 04). - Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.
2	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn nhựa, nguyên vật liệu nhựa.	100%	- Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật số: 61/2020/QH14 (Phụ lục 04). - Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.

03  
C  
OP  
THU  
VIET  
HO

VIỆT THẠNH  
PLASTIC



Stt	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Địa chỉ trích dẫn/giải trình
3	4659 (*)	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	100%	<ul style="list-style-type: none"><li>- Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật số: 61/2020/QH14 (Phụ lục 04).</li><li>- Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.</li></ul>
4	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	51%	<ul style="list-style-type: none"><li>- Theo Danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài</li></ul>
5	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và phi kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, lá, dải, dạng hình (trừ mua bán vàng miếng và phế thải, phế liệu kim loại).	100%	<ul style="list-style-type: none"><li>- Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật số: 61/2020/QH14 (Phụ lục 04).</li><li>- Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.</li></ul>
6	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Hàn bàn, ghế, tủ sắt	100%	<ul style="list-style-type: none"><li>- Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật số: 61/2020/QH14 (Phụ lục 04).</li><li>- Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.</li></ul>

(\*) Hiện tại, trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Việt Thành không có hoạt động phân phối bán lẻ và bán buôn vật phẩm ghi hình tại mã ngành 4659. Trong kế hoạch sản xuất kinh doanh thời gian tới, Công ty Việt Thành không có kế hoạch sản xuất kinh doanh vật phẩm đã ghi hình tại mã ngành 4659.



- Như vậy, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tối đa là 51%. Ngày 04/10/2021, UBCKNN đã có công văn số 5844/UBCK-PTTT xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 51%.
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 16/09/2021, số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tại Công ty là 0 cổ phần.

**7. Các loại thuế có liên quan**

❖ **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**

Công ty phải nộp thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng là 20%.

❖ **Thuế giá trị gia tăng:**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

❖ **Các loại thuế khác:**

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

09  
TY  
VN  
AI  
AN  
LOI



PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK**

Trụ sở chính : Tầng 5 tòa nhà Artex, số 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666

Website : <https://agriseco.com.vn>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)**

Địa chỉ : 26 Nguyễn Huy Tụ, P Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : 028 3910 4881 Fax: 028 3820 6881

Website : <https://aascn.com.vn>

PHẦN VII: PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Điều lệ Công ty.
3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 và 2020, Báo cáo tài chính tự lập 9 tháng đầu năm 2021.
4. Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;

30.0  
UẤT  
HUY  
H  
GIAN



Long An, ngày 04 tháng 11 năm 2021

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN VĂN QUÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Thuy*

NGUYỄN TRỌNG HUY

*Thuy*

NGUYỄN THỊ YẾN NGA



*Thuy*





Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2021

TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK  
TỔNG GIÁM ĐỐC 



  
ĐINH NGỌC PHƯƠNG



